**KẾ HOẠCH DẠY HỌC TUẦN 4– LỚP 4B**

**NĂM HỌC 2024 – 2025**

**GV giảng dạy: Lê Thị Vân**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn** | **Tên bài dạy** | **Ghi chú** |
| **Hai**  **(30/9)** | **Sáng** | **1** | HĐTN1 | Triển lãm tranh Tuyên truyền dự án *Hành lang xanh* |  |
| **2** | Toán 1 | Làm tròn số đến hàng trăm nghìn (T2) | Bài 3,4,5 (SGK/27) |
| **3** | Tiếng Việt 1 | Bài đọc 3: Cô giáo nhỏ | GT bài;Đọc thành tiếng |
| **4** | Tiếng Việt 2 | Bài đọc 3: Cô giáo nhỏ | Đọc hiểu, đọc nâng cao |
| **Chiều** | **1** | Khoa học 1 | Bài 4. Không khí xung quanh ta - tiết 1 | 1. Thành phần của không khí |
| **2** | TV tăng (LV) | Luyện viết: Bài 7 |  |
| **3** | Đạo đức | Bài 2. Em biết ơn người lao động (T2) | Luyện tập; vận dụng |
| **Ba**  **(01/10)** | **Sáng** | **1** | *Tiếng anh* | *GV môn chuyên soạn giảng* |  |
| **2** | *Tiếng anh* | *GV môn chuyên soạn giảng* |  |
| **3** | *Mĩ thuật* | *GV môn chuyên soạn giảng* |  |
| **4** | *Mĩ thuật* | *GV môn chuyên soạn giảng* |  |
| **Chiều** | **1** | Tiếng Việt 3 | Bài viết 3: Trả bài viết đoạn văn về một nhân vật |  |
| **2** | Toán 2 | Luyện tập (T1) | Bài 1,2,3,4,5  (SGK/28,29) |
| **3** | Lịch sử - Địa lí | **Bài 2.** Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)-T4  ***Lồng ghép GDĐP CĐ 1- 6*** | Danh nhân tiêu biểu |
| **Tư**  **(02/10)** | **Sáng** | **1** | Tiếng Việt 4 | Nói và nghe: Trao đổi: Chăm học, chăm làm | Nói và nghe: Trao đổi: Chăm học, chăm làm |
| **2** | Tiếng Việt 5 | Bài đọc 4: Bài văn tả cảnh | Bài đọc 4: Bài văn tả cảnh |
| **3** | Toán 3 | Luyện tập (T2) | Bài 6,7,8 (SGK/30) |
| **4** | HĐTN2 | Dự án *Hành lang xanh*  ***Lồng ghép GD Quyền con người*** |  |
| **Chiều** | **1** | Khoa học 2 | Bài 4. Không khí xung quanh ta - tiết 2 | 2. Không khí có ở khắp nơi  3. Một số tính chất của không khí |
| **2** | Toán tăng | Luyện tập làm tròn số đến  hàng trăm nghìn |  |
| **3** | Lịch sử - Địa lí | Bài 3. Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - T1 | Vị trí địa lí  Đặc điểm thiên nhiên |
| **Năm**  **(03/10)** | **Sáng** | **1** | *Âm nhạc* | *GV môn chuyên soạn giảng* |  |
| **2** | *GD Thể chất* | *GV môn chuyên soạn giảng* |  |
| **3** | *Tiếng anh* | *GV môn chuyên soạn giảng* |  |
| **4** | *Tiếng anh* | *GV môn chuyên soạn giảng* |  |
| **Chiều** | **1** | Tiếng Việt 6 | Luyện từ và câu: Luyện tập về danh từ |  |
| **2** | Toán 4 | Số tự nhiên và dãy số tự nhiên |  |
| **3** | Tiếng Việt  tăng | Ôn tập về danh từ |  |
| **Sáu**  **(04/10)** | **Sáng** | **1** | *Công nghệ* | *GV môn chuyên soạn giảng* |  |
| **2** | *Tin học* | *GV môn chuyên soạn giảng* |  |
| **3** | Tiếng việt 7 | Góc sáng tạo: Đố vui: Ai chăm, ai ngoan? |  |
| **4** | HĐTN3 | Tổng kết dự án *Hành lang xanh* |  |
| **Chiều** | **1** | Toán 5 | Viết số tự nhiên trong hệ thập phân |  |
| **2** | **Toán tăng**  **( lớp 4C)** | Luyện tập làm tròn số đến  hàng trăm nghìn |  |
| **3** | Tự chọn | Luyện tập về số tự nhiên và dãy số tự nhiên |  |

***Thứ Hai ngày 30 tháng 9 năm 2024***

**Buổi sáng**

Tiết 1: Hoạt động trải nghiệm

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: TRIỂN LÃM TRANH TUYÊN TRUYỀN DỰ ÁN HÀNH LANG XANHI.**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Học sinh có khả năng nâng cao nhận thức về phong trào giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp nói chung và xây dựng hành lang xanh nói riêng.

- Học sinh tích cực thực hiện những hành động phù hợp để xây dựng, giữ gìn hành lang lớp học xanh, sạch, đẹp.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

**1. Nhà trường**:

- Thiết kế, phân công khu vực triển lãm tranh.

- Xây dựng kế hoạch, nội dung chuẩn bị cho buổi triển lãm tranh.

**2. Học sinh**:

- Trang phục chỉnh tề.

- Các bức tranh tuyên truyền; giá đỡ tranh. (Đối với những HS tham gia trưng bày).

**III. Các hoạt động dạy – học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần 1: Nghi lễ** | |
| Nhà trường tổ chức lễ chào cờ đầu tuần.    - Liên đội trưởng tổ chức cho toàn trường thực hiện lễ chào cờ.  - Giáo viên trực ban nhận xét chung toàn trường, đánh giá thi đua tuần 3.  - TPT lên triển khai, phổ biến kế hoạch trong tuần  - Cô Hiệu trưởng nhận xét, bổ sung và triển khai các công việc tuần mới. | - HS tập trung trên sân cùng HS toàn trường.  - HS toàn trường thực hiện nghi lễ chào cờ  - HS toàn trường lắng nghe  - Nghe phổ biến |
| **Phần 2: Sinh hoạt chủ đề: Triển lãm tranh tuyên truyền dự án Hành lang xanh***.* | |
| - Nhà trường tổ chức buổi triển lãm trãnh tuyên truyền dự án Hành lang xanh.    - Tổ chức khai mạc buổi triển lãm tranh:  + GV Tổng phụ trách Đội giới thiệu nội dung buổi triển lãm tranh tuyên truyền dự án Hành lang xanh, nhấn mạnh ý nghĩa của dự án đối với việc giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.  + Yêu cầu HS tham gia trưng bày các bức tranh tuyên truyền dự án Hành lang xanh theo khu vực đã được phân công ở sân trường. (GV yêu cầu HS chuẩn bị trước khi khai mạc).  - GV tổ chức cho HS đi tham quan các bức tranh đã được trưng bày trong triển lãm.  - GV gặp mặt học sinh khi tham quan triển lãm, trao đổi chia sẻ cảm xúc:.  - GV nêu câu hỏi:  Trong triển lãm, em thích bức tranh nào nhất?  + Em có cảm xúc gì ?  + Em đón nhận được thông điệp gì được truyền tải qua các bức tranh?  + Em có thích dự án “Hành lang xanh” không?  + Em sẽ làm gì để hưởng ứng dự án đó?  - Sau buổi triển lãm, GV mời một số HS chia sẻ cảm nghĩ của bản thân.  - Kết thúc, dặn dò. | - HS tham gia buổi triển lãm.  - HS lắng nghe.  - HS hưởng ứng tham gia hoạt động.  - 1 số HS trả lời theo suy nghĩ của mình.  - HS chia sẻ cảm nghĩ của bản thân trước các bạn. |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

Tiết 2: Toán

**LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN ( Tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

- Thực hiện làm tròn được các số đến hàng trăm nghìn.

- Vận dụng cách thực hiện làm tròn số vào thực tiễn cuộc sống.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học: thông qua so sánh, phân tích số để xác định số được làm tròn đến hang chục nghìn,hang tram nghìn.
* Năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp: Thông qua việc tìm cách làm tròn số, trình bày, giải quyết cách làm tròn số.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

**- Giáo viên**: Tranh khởi động, hình vẽ các tia số.

- **Học sinh**: SHS, vbt, bộ đồ dùng học toán 4.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3-5’)** | |
| *\* Mục tiêu:*  - Cho học sinh ổn định tổ chức đầu giờ, tạo tâm thế vui tươi, phấn khởi và kết nối với bài học.  - Khởi động: Ôn lại các kiến thức đã học: Cách làm tròn các chữ số hàng trăm nghìn; Qua đây HS phát triển được các NL đó là NL giao tiếp toán học.  *\* Cách thực hiện:* Tổ chức trò chơi “***Bắn tên***” | |
| *\* Cách thực hiện:* Tổ chức trò chơi “***Bắn tên***”  - **GV ghi bảng**: *Làm tròn số đến hàng trăm nghìn* | - HS nhắc nối tiếp đầu bài và ghi vào vở. |
| **2. Hoạt động thực hành, luyện tập(20-25’)** | |
| *\* Mục tiêu*:  - HS biết cách thực hiện làm tròn được các số đến hàng trăm nghìn.  - Các NL được phát triển qua hoạt động này đó là: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học và NL giao tiếp toán học.  *\* Cách thực hiện*: Cá nhân, trao đổi nhóm đôi, chia sẻ trước lớp. | |
| **Bài 3: cá nhân**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài.  + Bài tập 3 yêu cầu làm gì?  \* GV hướng dẫn nhắc lại và yêu cầu HS tự hoàn thành bài tập: Xét xem số đã cho gần với số tròn trăm nghìn nào hơn rồi kết luận.  - Đôi dép sandan có giá bao nhiêu tiền?  - Vậy số 289 000 đồng gần số nào? Khi bán giá của đôi dép làm tròn lên đến bao nhiêu đồng?  - Máy tính bảng có giá bán là bao nhiêu?  - Vậy số 3 634 000 đồng gần số nào?  Khi bán giá của máy tính bảng làm tròn lên đến bao nhiêu đồng?  - Máy in có giá bao nhiêu?  - Vậy số 4 159 000 đồng gần số nào? Khi bán giá của máy in làm tròn lên đến bao nhiêu đồng?  - Dựa vào câu hỏi gợi ý HS hoàn thiện bài tập vào vở bài tập.  - Nhận xét chữa bài.  **\* Chốt chuyển bài tập**  **Bài 4: Chia sẻ**  - HS đọc yêu cầu của bài tập.  - GV hướng dẫn làm.  + Khoảng cách từ Sao Hỏa đến Mặt Trời khoảng bao nhiêu kilomet?  + Bạn Vân Anh nói rằng khoảng cách từ Sao Hỏa đến Mặt Trời khoảng kilomet?  + Theo em, Vân Anh đã làm tròn số đến hàng nào?  + Dựa vào đâu em có thể biết bạn Vân Anh có thể trả lời câu hỏi?  - GV nhận xét chữa bài.  **\* GV chốt chuyển bài** | **Bài 3: cá nhân**  - HS nêu yêu cầu bài tập  + Làm tròn giá bán các mặt hàng sau đến hàng trăm nghìn.    - Đôi dép có giá 289 000 đồng.  - Ta thấy số 289 000 gần với số 300 000 hơn số 200 000. Vậy giá bán của đôi dép khi làm tròn đến hàng trăm nghìn là  300 000 đồng.  - Máy tính bảng có giá bán: 3 634 000 đ  - Ta thấy số 3 634 000 gần với số  3 600 000 hơn số 3 700 000. Vậy giá bán của chiếc máy tính khi làm tròn đến hàng trăm nghìn là 3 600 000 đồng.  - Máy in có giá bán: 4 159 000 đồng  - Ta thấy số 4 159 000 gần với số  4 200 000 hơn số 4 100 000. Vậy giá bán của chiếc máy in khi làm tròn đến hàng trăm nghìn là 4 200 000 đồng.  - HS làm bài tập vào vở.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đồ vật** | **Giá bán** | **Làm tròn đến hàng trăm nghìn** | | Đôi dép | 289 000 đồng | 300 000 đồng | | Máy tính bảng | 3 634 000 | 3 600 000 đồng | | Máy in | 4 159 000 đồng | 4 200 000 đồng |   - Nhận xét  **Bài 4: Chia sẻ**  - Đọc yêu cầu bài tập.  + Khoảng cách từ Sao Hỏa đến Mặt Trời khoảng: 214 261 742 km.  + Bạn Vân Anh nói rằng khoảng cách từ Sao Hỏa đến Mặt Trời khoảng:  214 260 000 km.  + Vân Anh đã làm tròn số đến hàng chục nghìn. Ta thấy số 214 261 742 gần với số 214 260 000 hơn số 214 270 000.  + Dựa vào số bạn Vân Anh nói để trả lời câu hỏi của bài toán.  *Lời giải*  Làm tròn số 214 261 742 km đến hàng chục nghìn ta được 214 260 000. Như vậy, Vân Anh đã làm tròn số đo khoảng cách từ Sao Hỏa đến Mặt trời lên hàng chục nghìn kilomet. |
| **3. Hoạt động vận dụng (3-5’)** | |
| \* *Mục tiêu*:  - HS có thể chơi trò chơi “*Đố bạn*” vận dụng các kiến thức đã học về làm tròn hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn và hàng trăm nghìn trong thực tế cuộc sống.  - Qua hoạt động này HS có thể phát triển được các NL: NL tư duy toán học, NL mô hình hóa toán học và giao tiếp toán học.  *\* Cách thực hiện:* Cá nhân | |
| **Bài 5: Trò chơi**  - HS đọc yêu cầu của bài tập.  + Bài yêu cầu làm gì?  - GV Hướng dẫn gợi ý.  **\* Lưu ý:** Xét xem số đã cho gần với số tròn trăm, số tròn nghìn, số tròn chục nghìn, số tròn trăm nghìn nào hơn rồi kết luận. Nếu chữ số hàng chục bé hơn 5 thì làm tròn lùi, còn lại thì làm tròn tiến.  - GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi.  - GV nhận xét HS chơi trò chơi “*Đố bạn*”  - HS tiếp tục đặt câu hỏi đố các bạn khác cho đến hết.  - Yêu cầu HS nhận xét các bạn chia sẻ trước lớp và đố nhau đã đúng chưa, cách giải thích có hợp lí không.  - GV nhận xét.  ***\* Củng cố, dặn dò***.  - Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì?  - Làm tròn số giúp ích gì cho con người trong cuộc sống?  - Nhận xét tiết học.  - Chuẩn bị bài sau: *Luyện tập - Trang 28, 29.* | - HS đọc yêu cầu của bài tập.  + Viết một số có nhiều chữ số sau đó đố bạn đó đến hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn và hàng trăm nghìn.    - Nghe.  - HS chơi trò chơi.  Bạn A: Đố bạn số 438 000 đồng được làm tròn đến số 500 000 đồng đúng hay sai?  Bạn B: số 438 000 đồng được làm tròn đến số 500 000 đồng là sai.  ***\* Vì:***  + Số 438 000 đồng có chữ số hàng chục nghìn là 3  + Do 3 < 5 nên ta làm tròn lùi thành số 400 000  Vậy số 438 000 làm tròn đến hàng trăm nghìn thành số 400 000.  - Nhận xét  - HS trả lời  - Làm tròn số trong tính toán cũng như trong đời sống, không ít những trường hợp người ta bắt phải làm tròn số để con số ngắn gọn hơn. Tùy vào yêu cầu sẽ có  những cách làm tròn số khác nhau. |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tiết 3 + 4 : Tiếng Việt

**BÀI ĐỌC 3: CÔ GIÁO NHỎ (2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực :**

**a. Năng lực đặc thù**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp- ngữ nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 75- 80 tiếng/phút. Thể hiện được giọng đọc xúc động phù hợp với các ý nghĩa nhân văn sâu sắc của câu chuyện. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Trả lời được các CH về nội dung của các đoạn và toàn bài. Hiểu được đặc điểm của nhân vật Giên; tuy còn nhỏ nhưng đã biết vận dụng những điều học được vào cuộc sống để giúp đỡ được người thân và bạn bè.

- Bày tỏ được cảm xúc đối với nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

**b. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và Vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: - Cảm nhận được những đặc điểm đáng yêu của nhân vật Giên

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

- GV chuẩn bị: Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

- HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập một, Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập một.

**III. Các hoạt động dạy – học chủ yếu.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1**  **1. Hoạt động khởi động (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - HS ôn lại kiến thức của bài đọc đã học.  - Đọc bài trôi chảy, trả lời được câu hỏi.  **b. Cách tiến hành:**  - GV cho HS ôn lại *Bài đọc 2: Lên rẫy*  *+*Cảnh vật thiên nhiên trên đường đi đẹp như thế nào?  + Tìm những từ thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ khi được giúp mế làm rẫy?  + Em có cảm nghĩ gì về bạn nhỏ trong bài thơ?  - GV nhận xét giọng đọc và câu trả lời của học sinh.  **2. Hoạt động hình thành kiến** **thức (50-55’)**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng:**  **a. Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS:  - Đọc được bài *Cô giáo nhỏ* với giọng đọc nhẹ nhàng, trầm lắng, xúc động theo các tình tiết chuyện.  - Giải nghĩa được những từ ngữ khó.  - Có ý thức đọc phân biệt các âm, vần, thanh dễ lẫn lộn.  **b. Cách tiến hành:**  - GV đọc mẫu cho HS bài *Cô giáo nhỏ*  - GV cùng HS giải nghĩa một số từ ngữ khó:  *+ Miễn phí: cho phép hưởng một dịch vụ mà không phải trả tiền.*  *+ Hẻo lánh: (nơi) xa, ít người qua lại.*  *+ Ngóng cổ: trông chờ, mong đợi một điều gì đó*  *+ Cha sinh mẹ đẻ: lúc mới sinh (thường dùng để nhấn mạnh điều từ trước tới nay chưa từng thấy, chưa từng có)*  - Bài đọc có thể chia làm mấy đoạn?  *-* GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc: *Đọc nối tiếp đoạn.*  + GV gọi 6 HS bất kì đọc bài, từng em đứng lên đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS.  🡪GDHS: đọc đúng từ ngữ, ngắt nghỉ hơi phù hợp.  - GV tổ chức HS đọc nối tiếp 6 đoạn.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc: miễn phí, hẻo lánh, ngóng cổ, cha sinh mẹ đẻ,…)  **Tiết 2**  **Hoạt động 2: Đọc hiểu:**  **a. Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS:  - Thảo luận nhóm 5 theo các câu hỏi tìm hiểu bài.  - Hiểu được nội dung của bài đọc *Cô giáo nhỏ*  **b. Cách tiến hành:**  - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 5 câu hỏi:  *+* [Trường học của Giên ở đâu? Ngôi trường này có gì đặc biệt?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "1)  [+ Cô giáo đã chứng kiến việc gì lúc đến nhà Giên?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "2)  [+ Theo em, vì sao Giên không trả được sách đúng hạn?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "3)  [+ Vì sao cô giáo nghẹn ngào nói: “Ồ không, Giên!Cô phải xin lỗi em mới đúng.” Khi Giên xin lỗi cô?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "4)  [+ Việc làm của Giên đáng khen như thế nào?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "4)  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 5 theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi trong bài.  ***Câu 1****: Trường học của Giên ở đâu? Ngôi trường này có gì đặc biệt?*    ***Câu 2:*** *Cô giáo đã chứng kiến việc gì lúc đến nhà Giên?*  ***Câu 3:*** *Theo em, vì sao Giên không trả được sách đúng hạn?*  ***Câu 4:****Vì sao cô giáo nghẹn ngào nói: “Ồ không, Giên!Cô phải xin lỗi em mới đúng.” Khi Giên xin lỗi cô?*   Câu 5: Việc làm của Giên đáng khen như thế nào?  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài nói về điều gì?*  + GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).  🡪GDHS: Mạnh dạn thể hiện năng khiếu của bản thân.  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm.  **3. Hoạt động luyện tập, thực hành(10-15’)**  **Hoạt động: Đọc diễn cảm đoạn 3.**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết đọc diễn cảm đoạn 3 với giọng đọc phù hợp.  **b. Cách tiến hành:**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn 3 với giọng đọc nhẹ nhàng, thể hiện cảm xúc trầm lắng, xúc động khi cô giáo biết việc làm tốt của Giên.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS.  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3-5’)**  **Hoạt động: Thảo luận nhóm đôi**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS rèn luyện cách trao đổi, thảo luận với bạn. Đồng thời, tiếp tục phát triển kĩ năng nêu ý kiến của mình.  **b. Cách tiến hành**  - GV nêu câu hỏi thảo luận: *Em học tập được điều gì ở Giên?*  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trình bày suy nghĩ của mình trước lớp.  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  🡪GDHS: Có ý thức trong học tập, để đạt được những thành tích mong muốn.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  - Xem và chuẩn bị bài: *nói và nghe: trao đổi chăm học, chăm làm* | - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.    - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.  + Nhận xét câu trả lời của bạn.     - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.                    - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS cùng GV giải nghĩa từ khó.        - HS trả lời: chia làm 6 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu đến “với nhà trường ạ”  + Đoạn 2: Tiếp đến “được đi học”  + Đoạn 3: Tiếp đến “ê a đánh vần”  + Đoạn 4: Tiếp đến “học trò”  + Đoạn 5: Tiếp đến “lấm lem nhọ nồi”  + Đoạn 6: Còn lại.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn.    - HS đọc nối tiếp bài đọc trước lớp.        - HS đọc bài theo nhóm.  - HS đại diện nhóm đọc bài trước lớp, các HS khác lắng nghe và nhận xét.  - HS phân biệt các âm, vần, thanh dễ lẫn, sửa phát âm sai (nếu có).            - HS đọc tiếp nối câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thảo luận theo nhóm 5.  + HS đại diện nhóm trả lời các câu hỏi, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *-*  Trường học của Giên ở một vùng quê hẻo lánh ở Châu Phi. Gọi là trường nhưng thực chất lớp dạy học miễn phí. HS là con cháu của những người nông dân suốt ngày cặm cụi trên những cánh đồng ngô cháy nắng.  *-* Cô giáo đã chứng kiến cảnh Giên đang làm “cô giáo”, hướng dẫn bà, mẹ và các bạn nhỏ trong xóm đánh vần. Cuốn sách Giên dùng để dạy chữ ở lớp học của mình chính là cuốn truyện tranh mượn của cô giáo.  *-* Giên đang phải dùng sách để dạy bà, mẹ và các bạn đọc.  *-* Vì cô đã hiểu lầm Giên. Cô không biết là Giên trả sách chậm vì phải dùng quyển sách để làm một việc rất đáng khen: dạy bà, mẹ và các bạn đọc.  - *Giên đã biết đem những điều học được vận dụng vận dụng vào cuộc sống. Việc làm của Giên còn thể hiện tình yêu thương của mình đối với người thân và bạn bè.*  - HS trả lời:  - HS lắng nghe.    - HS lắng nghe.      - HS lắng nghe.      - HS thi đọc.  - HS lắng nghe.              - HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi theo suy nghĩ của mình.  - HS trình bày suy nghĩ của mình trước lớp.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Buổi chiều**

Tiết 1: Khoa học

**BÀI 4: KHÔNG KHÍ XUNG QUANH TA ( tiết 1 )**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức**

- Kể được tên thành phần chính của không khí.

**2.** **Năng lực**:

***a. Năng lực chung***

*- Phát triển các năng lực: Năng lực tự chủ, tự học; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực giao tiếp và hợp tác:*

***b. Năng lực riêng***

- Quan sát, làm thí nghiệm để: nhận biết được sự có mặt của không khí; xác định được một số tính chất của không khí; nhận biết được trong không khí có hơi nước, bụi.

- Trình bày được ứng dụng tính chất của không khí đối với đời sống.

***3*. Phẩm chất**:

**-** Có ý thức bảo vệ môi trường không khí xung quanh.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dùng chung cho cả lớp:** Hình ảnh về biểu đồ thành phần không khí; các hình ảnh minh họa trong sách giáo khoa cho các thí nghiệm về không khí được thực hiện.

**2. Thiết bị dùng để thực hành theo nhóm, cá nhân:** Bộ dụng cụ thí nghiệm cho từng nhóm: hai cốc nước như nhau, các viên nước đá; một chậu nước, một chai rỗng có nắp đậy, một miếng mút xốp; một chiếc bơm tiêm.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động (3-5’)**  **\*Mục tiêu:**  - Tạo không khí hứng khởi trước giờ học. | |
| **\*Cách thực hiện:**  - GV cho cả lớp vận động và hát theo bài hát “Tập thể dục buổi sáng”.  - GV đặt câu hỏi:  *+ Hãy cho biết sau khi đếm 1, 2, 3, 4 thì các bạn nhỏ trong bài hát làm gì?*  *+ Khí nào trong không khí cần thiết cho sự hô hấp của con người, động vật và thực vật?*  - GV dẫn dắt vào bài mới: “Không khí xung quanh ta”. | - HS vận động và hát theo bài hát.  - HS trả lời.  *+ Các bạn nhỏ hít thở.*  *+ Khí ô-xi.*  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá (15-20’)**  **\*Mục tiêu:**  - Kể được tên các thành phần của không khí.  - Quan sát, làm thí nghiệm để nhận biết được trong không khí có hơi nước. | |
| **\*Cách thực hiện:**  **HĐ1: Xác định thành phần của không khí**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK trang 17.  *“Dựa vào các hình dưới đây, cho biết:*  *+ Thành phần chính của không khí.*  *+ Ngoài các thành phần chính, trong không khí còn chứa những gì?”*  sgk tr 17 - KH4 - CD  - GV yêu cầu HS quan sát hình 1, 2, 3; sau đó thảo luận nhóm 2 để trả lời:  *+ Các thành phần chính của không khí.*  *+ Ngoài các thành phần chính, trong không khí còn chứa những gì?*  - GV yêu cầu một số HS trả lời, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  **HĐ2: Thực hành thí nghiệm nhận biết trong không khí có hơi nước**  - GV phổ biến cho HS thực hiện thí nghiệm để nhận biết trong không khí có hơi nước như sau:  *\*Chuẩn bị: Hai cốc nước như nhau và các viên nước đá.*  *\*Tiến hành:*  *+ Quan sát bên ngoài thành cốc A và cốc B.*  *+ Cho một số viên nước đá vào cốc B. Sau khoảng từ 3 đến 5 phút, quan sát hiện tượng xảy ra ở bên ngoài thành cốc A và cốc B.*  - GV chia lớp thành các nhóm 6, phát bộ thí nghiệm cho từng nhóm và yêu cầu các nhóm tiến hành thí nghiệm.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm 6 và đưa ra lí do giải thích thành cốc B bị bám những giọt nước nhỏ.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có). | - HS đọc yêu cầu.  - HS thực hiện.  - Một số HS trả lời, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Các thành phần chính của không khí: khí ni–tơ, khí ô–xi.*  *+ Ngoài các thành phần chính, trong không khí còn chứa: khí các–bô–níc và các chất khí khác.*  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Thành cốc B bị bám những giọt nước nhỏ.*  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Do cốc B có nước đá nên nhiệt độ xuống thấp, khiến cho hơi nước trong không khí xung quanh cốc bị ngưng tụ thành giọt nước nhỏ bám quanh thành cốc.*  - HS lắng nghe. |
| **3. Luyện tập và vận dụng(7-10’)**  **\*Mục tiêu:**  - Tìm các hiện tượng trong thực tế cho thấy không khí có chứa bụi, hơi nước. | |
| \***Cách thực hiện:**  **HĐ3: Liên hệ thực tế về việc không khí có chứa bụi, hơi nước**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để nêu một số ví dụ chứng minh trong không khí có chứa hơi nước, bụi.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV đặt câu hỏi để HS rút ra kết luận:  *+ Trong không khí gồm có những thành phần nào?*  *+ Đâu là thành phần chính của không khí?*  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  ***\*Củng cố, dặn dò***  - GV yêu cầu HS về nhà xem lại bài.  - GV yêu cầu HS chuẩn bị nội dung tiết học tiếp theo: “Không khí xung quanh ta (tiết 2)”. | - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Vào sáng sớm, đặc biệt là vào mùa đông, trời lạnh, ta sẽ thấy hiện tượng sương mù.*  *+ Khi để đồ vật ở bên ngoài không khí, không có che chắn gì, sau một thời gian sẽ thấy bụi bẩn bám vào đồ vật.*  - HS trả lời.  *+ Trong không khí gồm có: khí ni–tơ, khí ô–xi, hơi nước, khói, bụi, khí các–bô–níc và các chất khí khác.*  *+ Thành phần chính của không khí là khí ni–tơ và khí ô–xi.*  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

Tiết 2: Tiếng Việt tăng

**LUYỆN VIẾT: BÀI 7**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Giúp HS củng cố cách viết một số chữ hoa thông qua bài tập ứng dụng.

- Rèn kĩ năng viết, trình bày bài: Viết đúng chính tả, trình bày theo mẫu.

- Giáo dục HS ý thức viết đúng, viết đẹp.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**:

- Mẫu chữ hoa B, C, Đ, T.

- Vở Luyện viết.

**III. Hoạt động dạy - học chủ yếu**

**1. Khởi động (3-5p) :**

- HS nghe bài hát về Bà Còng đi chợ trời mưa.

- Em hãy nêu những hoạt động có trong bài hát?

- GV nhận xét, giới thiệu bài.

**2. Khám phá (25-30’)**:

**2.1. Tìm hiểu bài viết:**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV đọc bài viết 1 lần  - Mời HS đọc lại bài viết  + Bà Còng là đại diện cho ai?  + Tôm, tép là đại diện cho ai?  + Vậy ý nghĩa của bài ca dao này là gì?  - GV quan sát, hd thêm.  - Chốt ý đúng. | - HS nghe, theo dõi bài viết.  - HS đọc bài 1  - HS thảo luận nhóm, báo cáo kết quả:  + Những người gia yếu cần được giúp đỡ  + Trẻ em, học sinh.  + Bài ca dao khuyên răn chúng ta còn biết yêu thương, chia sẻ giúp đỡ mọi người xung quanh. |

**2.2. Chuẩn bị viết bài:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Tìm các chữ hoa có trong bài.  - GV viết mẫu, củng cố cách viết  - Đọc thầm, ghi lại chữ khó viết trong bài.  - GV quan sát, hướng dẫn thêm.  - Em sẽ trình bày bài như thế nào ? | B, C, Đ, T.  - HS quan sát chữ mẫu, luyện viết lại những chữ hoa trong bài.  - HS viết vào giấy nháp những chữ khó viết.    - Trình bày như bài mẫu, chú ý tên riêng, dấu câu, thể thơ lục bát. |

**2.3. Viết bài:**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV quan sát, nhắc nhở thêm về tư thế ngồi viết, cách cầm bút, đặt bút, cách trình bày … | - HS đọc và viết bài đúng mẫu vào vở.  - HS đọc lại và soát lỗi trong bài viết. |
| - GV theo dõi, hd thêm cách nhận xét:  + Trình bày bài  + Lỗi chính tả  + Chữ viết có đúng mẫu không? | - Em đổi vở cho bạn bên cạnh để kiểm tra và nhận xét bài viết của bạn; nghe bạn nhận xét bài viết của em. |

**2.4. Chấm, chữa bài:**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV chấm 7 – 8 bài, nhận xét :  + Cách trình bày.  + Sửa lỗi trong một số bài cụ thể. | - HS đọc lại bài viết của mình, rút kinh nghiệm, luyện viết lại những chữ chưa đúng mẫu. |

**2.5. Bài tập bổ sung:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Em hãy nêu một vài câu ca dao, tục ngữ Việt Nam thể hiện tinh thần yêu thương, đoàn kết.  + GV quan sát, hd thêm  + GV chốt câu đúng. | - HS làm việc cá nhân, nói tiếp nhau nêu câu trả lời.  - HS lớp nhận xét, góp ý. |

**3. Vận dụng-Kết nối (3-5’):**

- GV nhận xét giờ học.

- Luyện viết lại những chữ em viết chưa đúng.

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

Tiết 3: Đạo đức

**BÀI 2: EM BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG ( tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1 . Năng lực:**

**\* Năng lực đặc thù:**

- Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

- Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học; Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết; Có ý thức học tập và làm theo những tấm gương người tốt.

**-** Bước đầu quan sát, tìm hiểu về các nghề nghiệp quanh em, có các hành vi ứng xử phù hợp trong đời sống hàng ngày thể hiện lòng biết ơn người lao động.

**\* Năng lực chung:**

*- Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Trao đổi, thảo luận nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**2. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng lòng nhân ái, yêu mến, kính trọng, biết ơn người lao động.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên**

– SGK, SGV, SBT *Đạo đức 4* (Bộ sách Cánh diều).

– Tranh, hình ảnh về nghề nghiệp quanh em, thăm tình huống , thẻ mặt cười, mặt mếu.

– Máy tính, ti vi,..

**2. Học sinh**

**-** SGK, SBT, đồ dùng học tập

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động (3-5’)**  ***\* Mục tiêu:***  Tạo tâm thế vui vẻ, phấn khởi.  ***\* Cách thực hiện:***  - Hát tập thể: Lớn lên em thích làm gì?  Sau đó dẫn dắt giới thiệu vào bài học.  **2. Luyện tập(15-20’)**  **HĐ 1: Em đồng tình hay không đồng tình với lời nói, việc làm của bạn nào sau đây? Vì sao?**  ***\* Mục tiêu:***  Thể hiện được thái độ đồng tình hay không đồng tình với những lời nói và việc làm của các bạn.  ***\* Cách thực hiện:***  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “***Ai nhanh ai đúng”.***  - GV phổ biến luật chơi: Học sinh quan sát từng tranh, đọc thông tin nhanh, trong thời gian 15 giây suy nghĩ và giơ thẻ mặt cười nếu đồng tình, mặt mếu nếu không đồng tình. Những bạn trả lời đúng hết 4 lượt chơi sẽ được tuyên dương, những bạn trả lời chưa đúng sẽ bị phạt khi kết thúc trò chơi.( Gv lựa chọn hình phạt vui như: múa theo lời bài hát, làm động tác minh họa vệ một nghề nào đó để các bạn đoán,…)  - Gv chiếu từng tranh học sinh giơ thẻ    - Gv nhận xét, tuyên dương và yêu cầu một số học sinh giải thích lí do vì sao đồng tình?  **HĐ 2: Xử lí tình huống**  ***\* Mục tiêu***  - Giúp HS biết đưa ra cách ứng xử khi dùng lời nói và hành động đối với người lao động  ***\* Cách thực hiện***  – GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi:  + TH1: Nếu biết việc làm của An em sẽ ứng xử như thế nào?  + TH2: Nếu là Hằng, em sẽ ứng xử như thế nào?  + TH3 : Nếu là Ngân, em sẽ ứng xử như thế nào?  - GV chia lớp thành các nhóm 4, các nhóm bốc thăm chọn tình huống, thảo luận xử lí tình huống trong thời gian 3 phút  – Mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét (ưu tiên các nhóm có cùng tình huống nhận xét trước, thông qua đó Gv kiểm tra được kết quả thảo luận của nhóm)  - GV nhận xét, rút ra cách xử lí phù hợp, hay.  **3. Vận dụng(10-15’)**  **HĐ 1: Hãy chia sẻ với bạn bè, người thân về những lời nói, việc làm thể hiện sự biết ơn của em với người lao động**  ***\* Mục tiêu***  **-** Học sinh chia sẻ được với bạn bè, người thân về những lời nói, việc làm thể hiện sự biết ơn của em với người lao động  ***\* Cách thực hiện***  - GV cho HS thảo luận nhóm 2 thảo luận nội dung vận dụng  - GV nhận xét, tuyên dương  **HĐ 2: Em hãy nhắc nhở bạn bè, người thân thực hiện lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động**  ***\* Mục tiêu:***  - Biết tự ý thức cho bản thân và nhắc nhở mọi người xung quanh mình phải ứng xử với người lao động bằng lời nói và việc làm phù hợp.  ***\* Cách thực hiện***  - GV yêu cầu học sinh ghi lại những việc em đã làm để để nhắc nhở bạn bè, người thân thực hiện lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động.  - Học sinh chia sẻ lại kết quả ở tuần học sau.  - GV cho HS đọc lời khuyên trong SGK  - Gv hỏi học sinh về ý nghĩa của lời khuyên đó?  - Gv nhận xét, chốt ý đúng: Câu ca dao ca ngợi và khẳng định giá trị của hạt gạo, cũng như sự vất vả của người lao động làm ra hạt gạo. Nhắc nhở chúng ta phải quý trọng thành quả lao động và những người lao động chân chính đã đem lại lợi ích cho đời sống.  \*  **Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.  + Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.  +Thực hiện nhiệm vụ ở phần vận dụng và chia sẻ ở tiết học sau.  + Đọc trước *Bài 3 – Em nhận biết sự cảm thông, giúp đỡ người khó khăn* (SHS tr.13). | * Hát và vận động tại chỗ   - HS lắng nghe luật chơi  - HS giơ thẻ  + Đồng tình với hành động và lời nói ở tranh 1, 2, 3. Vì đã thể hiện sự lễ phép và biết ơn người lao động của các bạn nhỏ.  + Không đồng tình với tranh 4. Vì bạn đã lãng phí đồ ăn, lẵng phí công sức của người chế biến đồ ăn.  - HS đọc tình huống  - Đại diện nhóm bốc thăm tình huống và thảo luận.  - Đại diện các nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét.  Dự kiến sản phẩm  + TH 1: Em sẽ nói với An lấy dụng cụ gọt bút chì gọt phần bị gãy và dùng tiếp. Tránh lãng phí tiền mua đồ dùng học tập.  + TH2: Nếu là Hằng em sẽ bảo các bạn dừng hành động nhại lại giọng của cô bán bánh giò, làm như vậy là thiếu lịch sự, mỗi người có nghề nghiệp và đóng góp khác nhau cho xá hội, cần tôn trọng người bán hàng.  + TH3 : Nếu là Ngân em sẽ giải thích cho e Ngọc hiểu : “ Bác sĩ tuy làm em đau nhưng là đang bảo vệ sức khỏe cho em giúp em khỏe mạnh hơn, em phải biết ơn bác sĩ đã chữa bệnh cho em và mọi người”  - Học sinh lắng nghe  - 1 bạn hỏi, 1 bạn trả lời và ngược lại  Hỏi: Bạn đã ứng xử như thế nào để thể hiện lòng biết ơn và kính trọng người lao động?  TL:  + Mỗi khi được cô phục vụ quán ăn đưa phần ăn cho mình, thì mình nói “ cháu cảm ơn ạ!”  + Nếu thức ăn có không vừa miệng mình vẫn ăn hết không bỏ thừa.  + Mình sẽ ăn hết cơm có trong bát, không bỏ phí hạt nào.  + Khi bác đưa thư đến gửi thư cho mẹ, mình nhận thay và nói “ Cháu cảm ơn bác ạ!”   * Học sinh nêu |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

***Thứ Ba ngày 01 tháng 10 năm 2024***

**Buổi chiều**

Tiết 1 : Tiếng Việt

**BÀI VIẾT 3: TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN VỀ MỘT NHÂN VẬT**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Nghe – hiểu, đọc- hiểu lời nhận xét của cô giáo (thầy giáo) về bài viết của mình và các bạn.

- Có kĩ năng phát hiện và chữa lỗi về cấu tạo, nội dung, cách dùng từ, đặt câu, chính tả để hoàn thiện bài viết.

- Bước đầu biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ biểu đạt tình cảm, cảm xúc khi viết về nhân vật.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu:**

- GV chuẩn bị: Ti vi, máy tính, tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

- HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập một, Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập một.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động(3-5’)**  \* Mục tiêu:  - Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  - Nắm được mục tiêu của tiết học.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức cho HS hát và kết hợp vận động một bài mà các em yêu thích.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong tiết học trước, các em đã được làm bài luyện tập viết đoạn văn về một nhân vật. Hôm nay, cô (thầy) sẽ hướng dẫn các em sửa các lỗi chung về cấu tạo và nội dung đoạn văn cho bài văn đó nhé. | - TBVN bắt nhịp cho cả lớp hát kết hợp vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| **2. Thực hành luyện tập(20-25’)**  - Mục tiêu:  + Dựa vào nhận xét và hướng dẫn của GV, nhận biết được ưu điểm và nhược điểm trong bài viết của bản thân;  + Mạnh dạn tham gia sửa bài cùng cả lớp.  + Tự sửa được các lỗi về cấu tạo và nội dung của đoạn văn viết về nhân vật, về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.  + Viết được các câu văn rõ ràng, rành mạch, diễn đạt chính xác và đầy đủ thông tin.  - Cách tiến hành: | |
| **\*HĐ1: Nghe nhận xét chung về bài viết của cả lớp.**  **-** GV nhận xét chung về bài viết của cả lớp:  + Ưu điểm, nhược điểm chung của cả lớp.  + Những lỗi chính tả điển hình về bố cục, nội dung, dùng từ, đặt câu, chính tả, .... (Trình chiếu trên màn hình)  + Tuyên dương những HS có bài viết hay, có tiến bộ nổi bật.  + GV chọn đọc một số bài viết hay.  **\*HĐ2: Tham gia sửa bài cùng cả lớp**  - GV tổ chức cho HS chữa một số lỗi điển hình (về cấu tạo, nội dung, cách dùng từ, đặt câu, chính tả,...) của lớp.  - GV trình chiếu lên màn hình những lỗi phổ biến trong bài chấm.  - Mời HS chia sẻ cách sửa lỗi.  - GV chốt ý cách sửa.  **\**Lưu ý*:**  + Có thể xây dựng các BT chữa lỗi với nguồn ngữ liệu từ bài viết của HS (Trình chiếu lên slide)  + Có thể tổ chức HĐ nhóm hoặc HĐ lớp.  + Có thể cho HS nghe bài viết đoạn văn về một nhân vật tốt.  **HĐ3: Tự sửa bài**  - GV hướng dẫn HS tự sửa bài bài viết của mình.  + Đọc kĩ nhận xét của GV về bài viết của mình.  + Tự sửa lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả, ... trong bài.  \*GV theo dõi và hỗ trợ HS gặp khó khăn,  **HĐ 4: Đổi bài cho bạn để kiểm tra việc sửa lỗi.**  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: đổi bài viết (đã sửa), góp ý để bạn hoàn thiện bài viết (nếu có).  - Mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả sửa bài.  - GV nhận xét, bổ sung ý kiến để HS tiếp tục hoàn thiện bài viết (nếu cần). | - HS chú ý theo dõi  - Lắng nghe để học tập  - Làm việc cả lớp.  - HS đọc bài trên màn hình, phát hiện ra những lỗi phổ biến.  - Suy nghĩ và nối tiếp chia sẻ cách sửa lỗi những lỗi điển hình đó.  - HS làm việc cá nhân:  + Đọc kĩ nhận xét của GV về bài viết của mình.  + Tự sửa lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả, ... trong bài.  - HS làm việc nhóm đôi: đổi bài viết (đã sửa), góp ý để bạn hoàn thiện bài viết (nếu có).  - 1-2 HS báo cáo kết quả sửa bài. Lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần)  - Lắng nghe để rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng(3-5’)**  \* Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  \* Cách tiến hành: | |
| GV hỏi: Qua tiết học hôm nay, các em đã làm được những gì?  - GV nhắc HS phải chú ý thực hiện đúng yêu cầu khi viết một đoạn văn về nhân vật.  - GV nhận xét tiết học và hướng dẫn HS chuẩn bị cho bài *Góc sáng tạo*: *Đố vui: Ai chăm, ai ngoan.* | - HS nối tiếp chia sẻ.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - Lắng nghe, thực hiện |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tiết 2 : Toán

**LUYỆN TẬP (Tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Luyện tập về đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số, làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

- Nhận biết số chẵn, số lẻ. Vận dụng được cách so sánh, phân tích các số có nhiều chữ số và làm tròn số đến hàn trăm nghìn vào thực tế cuộc sống.

*-* Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

- Hình thành sự chăm chỉ, trung thực và ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Biết chăm chỉ học tập nghiêm túc. Yêu thích học Toán.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

- **GV**: Bảng phụ ghi các hàng từ trăm triệu đến đơn vị trong đó có các ô để học sinh có thể điền số và viết số; SGK Toán 4.

- **HS**: SGK, VBT Toán tập 4, bộ đồ dùng học Toán 4.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động (3-5’)**  *\* Mục tiêu:*  - Cho học sinh ổn định tổ chức đầu giờ, tạo tâm thế vui tươi, phấn khởi và kết nối với bài học.  - Qua đây hoạt động này HS phát triển được các NL đó là NL giao tiếp toán học.  \* *Cách thực hiện*: Cá nhân | |
| **- *Ổn định tổ chức:*** Cho HS hát “ Bé học phép trừ”.  - ***Khởi động***: Yêu cầu HS quan sát câu hỏi và trả lời.  + Số chẵn là gì? Hãy nêu ví dụ?  + Số lẻ là gì? Hãy nêu ví dụ?  + Cách đọc các số chẵn lẻ như thế nào?  + Hãy nêu lại quy ước làm tròn số đến hàng trăm nghìn  - GV gọi học sinh nhận xét câu trả lời của các bạn.  - ***Kết nối***: Ở lớp 2, 3 chúng ta đã học cách làm tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn chục nghìn lớp 4 học tròn trăm nghìn, cách đọc và nhận biết so sánh số chẵn, số lẻ như thế nào. Hôm nay các em sẽ được luyện tập và thực hành các dang toán đó để khác sâu kiến thức về nó hơn.  - ***Ghi bảng***: Luyện tập - Trang 28, 29 | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  - Quan sát đọc câu hỏi và trả lời:  - Số chẵn là những số có đuôi sau cùng là các số 0, 2, 4, 6, 8.  ***Ví dụ:*** 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16,....  - Số lẻ là số sau cùng có đuôi là 1, 3, 5, 7, 9 và khi chia cho 2 sẽ có số dư.  ***Ví dụ:*** 11, 13, 15, 17, 19, 21, 23,....  - HS đọc.  - Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi nhỏ hơn 5 thì ta giữ nguyên bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bỏ đi bằng chữ số 0.  + Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi lớn hơn hoặc bằng 5 thì ta cộng thêm 1 vào chữ số cuối cùng của bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bỏ đi bằng chữ số 0.  - Nhận xét câu trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc nối tiếp đầu bài và ghi vở |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành(20-25’)**  **\* Mục tiêu:**  - Luyện tập về đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số, làm tròn số đến hàng trăm nghìn.  - Nhận biết số chẵn, số lẻ.  - Vận dụng được cách so sánh, phân tích các số có nhiều chữ số và làm tròn số đến hàn trăm nghìn vào thực tế cuộc sống.  - Qua hoạt động này HS hình thành và phát các NL toán học sau: NL tư duy và lập luận, NL giao tiếp, NL giải quyết các vấn đề.  *\* Cách thực hiện:* cá nhân, nhóm 2, chia sẻ. | |
| **Bài 1: Cá nhân**  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 1 thực hiên theo gì?  + Quan sát bài tập hãy cho biết trong đó có mấy lớp, đó là lớp nào?  + Lớp đơn vị có mấy hàng đó là những hàng nào?  + Lớp nghìn có mấy hàng đó là những hàng nào?  + Lớp triệu có mấy hàng đó là những hàng nào?  - **Mẫu: Số 150 927 643** gồm mấy hàng, mấy lớp? Hãy nêu các chữ số ở các hàng và lớp đó.  - Hãy đọc Số 150 927 643.  - GV gọi HS đọc lại các số vừa phân tích hàng và lớp.  - Yêu cầu HS làm bài, sau đó kiểm tra  rồi đổi chéo vở kiểm tra kết quả.  - Gọi HS nhận xét  - GV nhận xét chữa bài.  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 2: nhóm đôi**  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 2 yêu cầu là gì?    - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và tìm hiểu từng con số, viết thành số, số đó có mấy chữ số, số đó có mấy số 0.  - YC học sinh nêu và chia sẻ cách làm của nhóm trước lớp.  - *Số 39 000 nghìn gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 600 000 nghìn gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 85 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 20 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 700 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở, sau đó đổi chéo vở kiểm tra cách làm cùng bạn trong nhóm.  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, tuyên dương nhóm thực hiện tốt, nhanh.  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 3:**  - Đọc yêu cầu bài  - Bài yêu cầu làm gì?  ***3.1. Nhận biết số chẵn, số lẻ.***  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 và lấy một số ví dụ cụ thể.  + Số nào là số chia hết cho 2? Lấy ví dụ các số đó?  ***\* Ghi chú:*** Số chia hết cho 2 là số chia cho 2 không còn dư.  + Số nào là số không chia hết cho 2? Lấy ví dụ  ***\* Chi chú***: Số không chia hết cho 2 là số chia cho 2 còn dư 1.  - GV gọi học sinh đọc lại phần ghi chú trên bảng.  ***3.2. Luyện tập, thực hành***.  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS làm bài, và đổi chéo kiểm tra kết quả.  **a)** *Trong các số 41, 42, 43, 100, 3 015, 60 868, số nào là số chẵn? Số nào là số lẻ?*  **b)** *Nhận xét về chữ số tận cùng trong các số lẻ, các số chẵn ở câu a.*  **c)** Đọc thông tin sau rồi lấy ví dụ minh họa:  • Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì chia hết cho 2.  • Các số có chữ số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9 thì không chia hết cho 2.  ***3.3. Vận dụng***  - Từ nhận xét trên Yêu cầu HS lấy ví dụ minh họa về các số chia hết cho 2 và các số không chia hết cho 2.  - GV nhận xét, chưa bài, tuyên dương.  **\* GV chốt chuyển:**  **Bài 4: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài.  - Bài tập 4 yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS tự làm vào vở bài tập.  ***\* Hướng dẫn***: HS đếm thêm các số chẵn và số lẻ tương ứng trong ô ?  - GV yêu cầu HS đổi vở kiểm tra kết quả.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* GV chốt chuyển.**  **Bài 5**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  ***\* Hướng dẫn***: Cho HS chơi trò chơi theo nhóm 4. Một bạn nêu một số có 4 chữ số tùy ý, chỉ một bạn trong nhóm cho biết là số chẵn hay số lẻ. Bạn trả lời đúng thì tiếp tục nêu một số và yêu cầu thành viên khác trong nhóm trả lời. Cứ thay phiên và đến khi tất cả các thành viên trong nhóm trả lời.  - GV yêu cầu tất cả các nhóm cùng tham gia chơi.  - GV cho HS nhận xét, nêu lại cách nhận số chẵn và số lẻ và dựa vào số tận cùng.  - GV nhận xét các nhóm chơi.  **\* Củng cố, dặn dò.**  - Qua bài học hôm nay các em biết thêm những điều gì ?  - Hãy nêu cảm nhận qua bài học em luyện tập được những gì? | - HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Thực hiện (theo mẫu):  + Có 3 lớp, đó là các lớp: Lớp đơn vị. Lớp nghìn. Lớp triệu.  + Lớp đơn vị có 3 hàng đó là các hàng: hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị  + Lớp nghìn có ba hàng: hàng nghìn, hàng chục nghìn và hàng trăm nghìn.  + Lớp triệu có 3 hàng: hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu.  **- Mẫu:** Số 150 927 643 gồm 3 hàng, 3 lớp. + Lớp đơn vị gồm:6 trăm, 4 chục và 3 đơn vị .  + Lớp nghìn gồm: 9 trăm nghìn, 2 chục nghìn và 7 nghìn.  + Lớp triệu gồm:1 trăm triệu, 5 chục triệu.  **- Đọc số:** *Một trăm năm mươi triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi ba* |
| - HS đọc  - HS làm bài, đổi vở kiểm tra chéo nhau.  - Nhận xét  - Nge GV nhận xét.  **Bài 2: nhóm đôi**  - HS nêu yêu cầu c  ủa bài tập.  - Bài tập 2 yêu cầu là: Viết các số sau rồi cho biết mỗi số có bao nhiêu chữ số, mỗi số có bao nhiêu chữ số 0:  - HS thảo luận nhóm đôi và tìm hiểu từng con số, viết thành số, số đó có mấy chữ số, số đó có mấy số 0.  - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.  - Ba mươi chín nghìn: 39 000. Số 39 000 có 5 chữ số và có 3 chữ số 0.  - Sáu trăm nghìn: 600 000. Số 600 000 có 6 chữ số và có 5 chữ số 0.  - Tám trăm lăm triệu: 85 000 000. Số 85 000 000 có 8 chữ số và có 6 chữ số 0.  - Hai mươi triệu: 20 000 000. Số 20 000 000 có 8 chữ số và có 7 chữ số 0.  - Bảy trăm triệu: 700 000 000. Số 700 000 000 có 9 chữ số và có 8 chữ số 0.  - HS làm bài vào vở.  *Lời giải*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Số đã cho** | **Viết số** | **Số chữ số** | **Chữ số 0** | | Ba mươi chín nghìn | 39 000 | 5 | 3 | | Sáu trăm nghìn | 600 000 | 6 | 5 | | Tám trăm lăm triệu | 85 000 000 | 8 | 6 | | Hai mươi triệu | 20 000 000 | 8 | 7 | | Bảy trăm triệu | 700 000 000 | 9 | 8 |   - Nhận xét bài của bạn trong nhóm.  **Bài 3:**  - Đọc yêu cầu bài.  - Bài yêu cầu về số chẵn, số lẻ.  - HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi.  + Số chia hết cho 2 là số chẵn.  ***Ví dụ***: 0, 2, 4, 6, 8, .., 156, 158, 160, ... là các số chẵn.  + Số không chia hết cho 2 là số lẻ.  ***Ví dụ***: 1, 3, 5, 7, 9, ... 567, 569, 571, ... là các số lẻ.  - 3 HS đọc lại ghi chú trên bảng  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm bài vào vở bài tập, sau đó đổi vở kiểm tra kết quả của nhau.  **a)** Trong các số đã cho:  + Số chẵn: 42, 100, 60 868.  + Số lẻ: 41, 43, 3 015.  **b)** Trong các số đã cho:  + Chữ số tận cùng trong các số chẵn ở câu a là: 0, 2, 8.  + Chữ số tận cùng trong các số lẻ ở câu a là: 1, 3, 5.  **c)** ***Ví dụ.***  - Các số chia hết cho 2 là 24, 40, 42, 64, 76, 88, 90,...  - Các số không chia hết cho 2 là 21, 43, 45, 67, 79,.....    - Các số chia hết cho 2: 100, 102, 104, 106,.... 1000, 2022, 2224,.....  - Các số không chia hết cho 2: 101, 103, 105, 107, 109,.... 211, 213, 215, 217, 219,.... 301, 303,....  **Bài 4: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài.  - a) Nêu số chẵn, lẻ thích hợp cho mỗi ô ? sau:  - HS tự làm vở bài tập.  *Lời giải*  a) Dãy số đã cho gồm các số chẵn liên tiếp cách đều 2 đơn vị.  Vậy ta điền như sau:  280; 282; 284; **286 ; 288** ; 290  b) Dãy số đã cho gồm các số lẻ liên tiếp cách đều 2 đơn vị.  Vậy ta điền như sau:  8 16; 8 169; 8 171; **8 173 ; 8 175 ;**  8 177.  - HS đổi vở kiểm tra kết quả.  **Bài 5**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Viết một số có bốn chữ số rồi đố bạn số đó là số chẵn hay số lẻ.    - HS nghe HS chơi trò chơi.  **Ví dụ**:  ***+ Bạn A:*** Đố bạn số 2 024 là số chẵn hay số lẻ?  ***Bạn B*** trả lời: Số 2 024 là số chẵn.  ***+ Bạn C***: Đố bạn số 1224 là số chẵn hay số lẻ?  ***⟹ Bạn D*** trả lời: Số 1224 là số chẵn.  ***Bạn A***: Đố bạn số 1313 là số chẵn hay số lẻ?  ***⟹ Bạn B*** trả lời: Số 1313 là số lẻ,..... |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

…………………………………………………………………………………..………………………………………………………………………………………..

Tiết 3: Lịch sử và Địa lí

**BÀI 2: ĐỊA PHƯƠNG EM (T4)**

**(Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức** *Sau bài học này, HS sẽ:*

- Kể lại được câu chuyện về một trong số các danh nhân ở Hải Dương.

- Biết được một số danh nhân của Hải Dương.

- Liên hệ tìm hiểu về một số danh nhân khác ở địa phương mình.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* sưu tầm tranh ảnh, câu chuyện về địa phương.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* đề xuất việc làm cần thiết để góp phần bảo vệ môi trường đang sống.

***Năng lực đặc thù:***

- Xác định được vị trí địa lí của địa phương trên bản đồ hoặc lược đồ.

**3. Phẩm chất**

*- Yêu nước:* Yêu quê hương, tự hào về cảnh đẹp, lịch sử, văn hóa, con người của địa phương; thể hiện được tình cảm với địa phương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.

*- Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với phong cảnh, di tích lịch sử của địa phương.

*- Chăm chỉ:* Thực hiện nhiệm vụ học tập được giao và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

- SGK, SBT Lịch sử Địa lí 4; Tài liệu giáo dục địa phương 4

+ Chủ đề 1.Thiên nhiên và con người quê hương em.

+ Chủ đề 2. Làng nghề truyền thống ở quê hương em

- Tranh ảnh về một số hoạt động kinh tế tiêu biểu của Hải Dương.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu :**

**1. Khởi dộng (3-5’) :**

- Trò chơi Đố dây truyền (nêu tên các tỉnh giáp với Hải Dương)

- GV, HS lớp nhận xét, chốt một số thông tin đúng.

**2. Khám phá (15-20’): Danh nhân tiêu biểu**

|  |  |
| --- | --- |
| - Kể tên một số danh nhân của Hải Dương mà em biết.  - GV yêu cầu HS thực hành theo nhóm đôi.  - GV hướng dẫn HS dựa vào Tài liệu giáo dục địa phương và gợi ý trong SGK/13 và nêu nhiệm vụ: *Kể lại câu chuyện về một danh nhân địa phương.*    - GV gợi ý HS kể chuyện theo cấu trúc: *mở đầu câu chuyện; tỉnh tiết/ tình huống cao trào; giải quyết tình huống; kết chuyện.*  - GV nhận xét và đưa ra nhiệm vụ: *Em hãy ghi những đóng góp của danh nhân với địa phương và điều em học được từ câu chuyện về danh nhân đó.*  - GV gợi ý cho HS:  *+ Học tập về phẩm chất, đạo đức*  *+ Học tập về hành động, việc làm.*  *+ Học tập về tri thức.*  *+ Học tập về cách ứng xử…* | - Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An, Phạm Sư Mạnh, Tuệ Tĩnh, Nguyễn Trãi, Nguyễn Thị Duệ…  - HS dựa vào tài liệu GDĐP, và gợi ý/13, trao đổi nhóm đôi, kể lại câu chuyện về một danh nhân, chia sẻ trước lớp:  + Chu Văn An dâng Thất trảm sớ.  + Sự liêm khiết của trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi  - HS lớp nhận xét, trao đổi thêm câu chuyện về danh nhân bạn vừa kể  - HS liên hệ thực tế, nêu cảm nhận về một trong các vị danh nhân đó. |

**3. Vận dụng-Kết nối (10-15’):**

+ Hãy giới thiệu và nêu cảm nghĩ của em về địa phương mình.

+ Kể những việc em đã làm hoặc sẽ làm để góp phần bảo vệ môi trường nơi em đang sinh sống.

- GV mời đại diện các cặp trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV gợi ý:

+ Giới thiệu về địa phương với một số nét tiêu biểu như: vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, hoạt động kinh tế nổi bật, nét đặc trưng về văn hoá, danh nhân ở địa phương,...

+ Chia sẻ cảm nghĩ (tự hào, yêu thương,...) về địa phương mình.

+ Những việc làm góp phần bảo vệ môi trường nơi mình đang sinh sống phù hợp với lứa tuổi: vứt rác đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường; không bẻ cây, hái hoa nơi công cộng.

- GV nhận xét, tổng kết một số nội dung tích cực theo chia sẻ của HS.

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

…………………………………………………………………………………..………………………………………………………………………………………..

***Thứ Tư ngày 02 tháng 10 năm2024***

**Buổi sáng**

Tiết 1: Tiếng Việt

**NÓI VÀ NGHE: TRAO ĐỔI: CHĂM HỌC, CHĂM LÀM**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được ý kiến về tính cách của nhân vật trong một câu chuyện đã học.

- Trao đổi với các bạn về những việc làm của bản thân (hoặc của người khác) thể hiện được đức tính chăm chỉ trong học tập và lao động

**2. Năng lực**

**a.Năng lực chung:**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin; biết nhìn vào người nghe khi nói.

**b.Năng lực riêng:**

- Biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản hồi của người nghe.

- Biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về bài nói và ý kiến của bạn trong trao đổi về cách đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến.

- Có kĩ năng cảm nhận, so sánh về đặc điểm nhân vật trong văn bản văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng PC chăm chỉ: chăm học, chăm làm.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu:**

- GV chuẩn bị: máy tính, ti vi, giấy A0, A4.

- HS chuẩn bị: SGK, VBT

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động (3-5’)**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức cho HS hát và kết hợp vận động một bài mà các em yêu thích.  - *GV dẫn dắt vào bài mới:* Trong tiết nói và nghe hôm nay, các em trình bày ý kiến về tính cách của nhân vật trong một câu chuyện đã học ở bài 2. Sau đó, các em sẽ trao đổi về những việc làm của bản thân (hoặc của một người mà các em biết) thể hiện đức tính chăm chỉ trong học tập và lao động. | | - TBVN bắt nhịp cho cả lớp hát kết hợp vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá****(15-20’)**  **-** Mục tiêu: Trình bày ý kiến về tính cách của nhân vật trong câu chuyện đã học ở Bài 2/ Trao đổi với các bạn về những việc làm của em (hoặc của một người mà em biết) thể hiện đức tính chăm chỉ trong học tập và lao động.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 1: Chuẩn bị cho bài nói.**  Đề 1: Trình bày ý kiến về tính cách của nhân vật trong câu chuyện đã học ở Bài 2  noi-va-nghe-trao-doi-cham-hoc-cham-lam  Đề 2: Trao đổi với các bạn về những việc làm của em (hoặc của một người mà em biết) thể hiện đức tính chăm chỉ trong học tập và lao động.  **noi-va-nghe-trao-doi-cham-hoc-cham-lam-2** | | |
| - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - GV yêu cầu HS quan sát, đọc gợi ý và chọn 1 trong 2 đề.  - GV hỏi: Em chọn đề nào?  + Nếu học sinh chọn đề 1: Em sẽ giới thiệu nhân vật nào? Vì sao em chọn nhân vật đó?  + Nếu học sinh chọn đề 2: Em sẽ giới thiệu về việc làm của ai? Đó là việc gì? Vì sao em chọn giới thiệu việc làm đó? | | - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  - HS quan sát, đọc gợi ý 2 đề.  - HS ngồi thành 2 dãy: dãy chọn đề 1 và dãy chọn đề 2 |
| **3. Luyện tập (10-15’)**  **-** Mục tiêu:  + Trình bày bài nói theo 5 bước: Nói về gì? - Tìm ý - Sắp xếp ý - Nói - Hoàn chỉnh (bài nói). Trình bày tự tin.  + Biết lắng nghe, nhận xét và đánh giá ý kiến của bạn.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 2: Trình bày bài nói***.*  \* Hoạt động nhóm đôi: Cho HS trình bày bài nói trong nhóm đôi dựa vào nội dung đã chuẩn bị.  \* Hoạt động cả lớp: Yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày bài nói trước lớp  - GV lưu ý HS cách trình bày: nội dung, dùng từ, diễn đạt, ngữ điệu nói kết hợp thái độ, cử chỉ khi nói…..  - GV nhận xét, bình chọn bài nói hay, trình bày hấp dẫn. | | - HS trao đổi với bạn  - Đại diện trình bày bài của mình trước lớp  - Các HS khác nhận xét |
| **4. Củng cố, dặn dò:**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | |
| **-** GV hỏi: Qua tiết học ngày hôm nay, em học được những gì?  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS có bài nói hay, thuyết phục, những HS tiến bộ về kĩ năng nói, nghe.  - Giao nhiệm vụ HS về nhà chia sẻ bài nói cho người thân nghe. | | - HS nối tiếp chia sẻ trước lớp  - HS Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tiết 2: Tiếng Việt

**BÀI ĐỌC 4: BÀI VĂN TẢ CẢNH**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1.Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: biết cùng các bạn thảo luận nhóm.

**b**. **Năng lực riêng:**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng từ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp và ngữ nghĩa. Tốc độ đọc 75 – 80 tiếng/ phút. Thể hiện được giọng đọc diễn cảm phù hợp với nội dung bài và lời thoại của các nhân vật trong bài. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài. Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài: kể về một cô bé đạt điểm cao ở bài văn tả cảnh nhờ chăm chỉ, chịu khó quan sát để miêu tả đúng sự việc theo yêu cầu của bài tập làm văn.

- Thể hiện giọng đọc diễn cảm phù hợp với nội dung, ý nghĩa của bài.

- Bày tỏ được cảm xúc trước những tình tiết thú vị của câu chuyện và sự dễ thương của nhân vật.

**2. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng PC chăm chỉ: say mê học bài.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu:**

- GV chuẩn bị: máy tính, ti vi, giấy A0, A4.

- HS chuẩn bị: SGK, VBT

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Hoạt động khởi động(3-5’)**   **a. Mục tiêu:**  - HS ôn lại kiến thức của bài đọc đã học.  - Đọc bài trôi chảy, trả lời được câu hỏi.  **b. Cách tiến hành:**  - GV cho HS ôn lại *Bài đọc 3: Cô giáo nhỏ*  *+*Cô giáo đã chứng kiến việc gì lúc đến nhà Giên?  + Việc làm của Giên đáng khen như thế nào?  - GV nhận xét giọng đọc và câu trả lời của học sinh.  **2. Hoạt động hình thành kiến** **thức (20-25’)**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **a. Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS:  - Đọc được bài *Bài văn tả cảnh* với giọng đọc nhẹ nhàng, khoan thai, truyền cảm kể về một cô bé đạt điểm cao ở bài văn tả cảnh nhờ chăm chỉ, chịu khó quan sát để miêu tả đúng sự việc của bài tập làm văn.  - Giải nghĩa được những từ ngữ khó.  - Có ý thức đọc phân biệt các âm, vần, thanh dễ lẫn lộn.  **b. Cách tiến hành:**  - GV đọc mẫu cho HS bài *Bài văn tả cảnh*  - GV cùng HS giải nghĩa một số từ ngữ khó:  *+ Phụ lão: người già*  *+ Vải thiều: loại vải có quả ngon, hạt nhỏ*  *+ Vồ: dụng cụ bằng gỗ chắc, nặng, có cán dùng để đập, nện, làm nhỏ đất*  *+ Bạch đàn (khuynh diệp): loại cây to, thân thẳng, lá có tinh dầu để làm thuốc.*  - Bài đọc có thể chia làm mấy đoạn?  *-*GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc: *Đọc nối tiếp đoạn.*  + GV gọi 3 HS bất kì đọc bài, từng em đứng lên đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS.  🡪GDHS: đọc đúng từ ngữ, ngắt nghỉ hơi phù hợp.  - GV tổ chức HS đọc nối tiếp 3 đoạn theo nhóm.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc: ủn ỉn, rối rít, vun xới, ồn ã,…  **Hoạt động 2: Tìm hiểu bài**  **a. Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS:  - Thảo luận nhóm 5 theo các câu hỏi tìm hiểu bài.  - Hiểu được nội dung của bài đọc Bài văn tả cảnh  **b. Cách tiến hành:**  - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 5 câu hỏi:  *+* Vì sao mấy hôm trước Bé đi học sớm?  [+ Bài tập làm văn của Bé viết về nội dung gì?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "2)  [+ Bé đã làm những việc gì để viết bài tập làm văn đó thật hay?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "3)  [+ Ông đã khen Bé như thế nào?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "4)  [+ Tìm một số hình ảnh trong bài tập làm văn để hiểu vì sao ông khen Bé như vậy?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "4)  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 5 theo các câu hỏi tìm hiểu bài. Tổ chức cho HS hoạt động theo kĩ thuật mảnh ghép  *Câu 1: Vì sao mấy hôm trước Bé đi học sớm?*  *Câu 2: Bài tập làm văn của Bé viết về nội dung gì?*  *Câu 3: Bé đã làm những việc gì để viết bài tập làm văn đó thật hay?*  *Câu 4: Ông đã khen Bé như thế nào?*  *Câu 5: Tìm một số hình ảnh trong bài tập làm văn để hiểu vì sao ông khen Bé như vậy?*    - Mời HS trình bày, báo cáo kết quả  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài nói về điều gì?*  - GV nhận xét, chốt lại  **3. Hoạt động luyện nâng cao (5-7’)**  **Hoạt động: Đọc diễn cảm đoạn 1,2**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết đọc diễn cảm đoạn 1, đoạn 2 với giọng đọc phù hợp.  **b. Cách tiến hành:**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn 1, 2 với giọng đọc nhẹ nhàng, truyền cảm thể hiện lời thoại của nhân vật.  - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS.  **4. Củng cố, dặn dò (2-3’)**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS rèn luyện và tiếp tục phát triển kĩ năng nêu ý kiến và bảo vệ ý kiến của mình.  **b. Cách tiến hành**  - GV nêu câu hỏi:  + *Em học tập được những gì từ bạn nhỏ?*  *+ Em thích nhất chi tiết nào trong bài? Vì sao?*  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  🡪GDHS: Có ý thức yêu thiên nhiên, yêu cảnh đẹp của đất nước.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt. | - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.  + Nhận xét câu trả lời của bạn.     - HS lắng nghe.    - HS lắng nghe.                - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS cùng GV giải nghĩa từ khó.          - HS trả lời: chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu đến ….. Rồi cháu viết, cháu lại viết lại, cháu..  + Đoạn 2: Tiếp đến ….. bắt đầu  + Đoạn 3: Phần còn lại.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn.    - HS đọc nối tiếp bài đọc trước lớp. HS lớp lắng nghe.  - HS đọc bài theo nhóm.  - HS đại diện nhóm đọc bài trước lớp, các HS khác lắng nghe và nhận xét.  - HS phân biệt các âm, vần, thanh dễ lẫn, sửa phát âm sai (nếu có).            - HS đọc tiếp nối câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm 5  + HS đại diện nhóm trả lời các câu hỏi, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *+ Bé phải ra đầu làng để quan sát, chuẩn bị cho bài tập làm văn tả cảnh*  *+ Bài tập làm văn của Bé tả cảnh đi làm đồng vào buổi sáng Chủ Nhật.*  *+ Bé ra đầu làng để quan sát, viết rồi sửa,viết đi viết lại nhiều lần.*  *+ HS tự nêu:*  *Ông khen Bé: “Cháu giỏi quá! Viết như hệt!”- Tức là Bé tả cảnh đi làm đồng buổi sáng rất thực, quan sát rất đúng.*  *+ Hs có thể nêu các hình ảnh sau:*  *- Quang cảnh buổi sáng: gà te te gáy, con lợn ủn ỉn đòi ăn, trên mái nhà, khói bếp lan nhẹ nhàng.*  *- Quang cảnh ở đầu làng: các cụ phụ lão trồng vải thiều dưới bãi; các anh chị vác cuốc, vác vồ lũ lượt đi;…*  - Quang cảnh con đường: từ con đường bạch đàn thẳng tắp, từng đoàn người đã kéo xuống đồng, tiếng nói chuyện cười đùa ồn ã, át cả cái rét buốt.  - Đại diện nhóm trình bày  - HS lắng nghe.  - 1-2 HS trả lời: Kể về cô Bé đạt điểm cao ở bài văn tả cảnh nhờ chăm chỉ, chịu khó quan sát để miêu tả đúng sự việc theo yêu cầu bài tập làm văn.  - HS lắng nghe.  - HS luyện đọc theo nhóm đôi  - HS thi cá nhân, lớp lắng nghe, chia sẻ  - HS lắng nghe.          - HS trình bày suy nghĩ của mình trước lớp. Lớp lắng nghe, chia sẻ  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tiết 3: Toán

**BÀI 11: LUYỆN TẬP (Tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Luyện tập về so sánh các số có nhiều chữ số, làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

- Nhận biết số chẵn, số lẻ.

- Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện so sánh các số có nhiều chữ số, làm tròn số đến hàng trăm nghìn và nhận biết số chẵn, số lẻ trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

- ***GV***: Bảng phụ ghi các hàng từ trăm triệu đến đơn vị trong đó có các ô để học sinh có thể điền số và viết số; SGK Toán 4.

- ***HS***: SGK, VBT Toán tập 4, bộ đồ dùng học Toán 4.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu(3-5’)**  *\* Mục tiêu:*  - Cho học sinh ổn định tổ chức đầu giờ, tạo tâm thế vui tươi, phấn khởi và kết nối với bài học.  - Qua đây hoạt động này HS phát triển được các NL đó là NL giao tiếp toán học.  \* *Cách thực hiện*: Cá nhân | | |
| **- *Ổn định tổ chức:*** Cho HS hát “ Phép cộng trừ”.  - ***Ghi bảng***: Luyện tập ( tiếp) | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  - HS nhắc nối tiếp đầu bài và ghi vở |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành (17-20’)**  **\* Mục tiêu:**  - Luyện tập về đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số, làm tròn số đến hàng trăm nghìn.  - Nhận biết số chẵn, số lẻ.  - Vận dụng được cách so sánh, phân tích các số có nhiều chữ số và làm tròn số đến hàn trăm nghìn vào thực tế cuộc sống.  - Qua hoạt động này HS hình thành và phát các NL toán học sau: NL tư duy và lập luận, NL giao tiếp, NL giải quyết các vấn đề.  *\* Cách thực hiện:* cá nhân, nhóm 2, chia sẻ. | | |
| **Bài 6: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?    - GV nhận xét. Khen học sinh.  *\* Chú mèo đi đi theo con đường ghi các*  *số như sau: 32; 90; 16; 632; 70; 80; 16;*  *674; 62; 720; 890.*  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 7**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  \* HS học sinh làm bài: Quan sát bảng số liệu dân số của Thái Bình, Đà Nẵng, Bình Dương, Quảng Ninh. Đọc dân số của các tỉnh đó, và sắp xếp các tỉnh có dân số từ thấp đến cao.  - HS làm vở bài tập.  *a) Em hãy đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó theo thứ tự tăng dần.*  *b) Em hãy làm tròn số dân của các tỉnh, thành phố đó đến hàng trăm nghìn.*  - GV yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra bài làm của nhau.  - GV yêu cầu HS nhận xét, chữa bài bạn  - GV nhận xét, chữa bài, khen HS.  **\* GV chốt chuyển** | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Em hãy chỉ đường giúp chú mèo tìm  được cuộn len bị thất lạc bằng cách đi theo con đường ghi các số chẵn:    - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Bảng dưới đây cho biết thông tin về dân số của một số tỉnh, thành phố ở nước ta năm 2020:    *a) Sắp xếp các tỉnh, thành phố theo thứ tự số dân tăng dần*: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Thái Bình, Bình Dương.  Đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó theo thứ tự tăng dần:  + Một triệu một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm; 1 169 500  + Một triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm; 1 370 600  + Một triệu tám trăm bảy mươi nghìn hai trăm; 1 870 2000  + Hai triệu năm trăm tám mươi nghìn sáu trăm; 2 580 600.  b) *Làm tròn số dân của các tỉnh, thành phố đó đến hàng trăm nghìn*.  + Làm tròn dân số tỉnh Thái Bình đến hàng trăm nghìn là 1 900 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Đà Nẵng đến hàng trăm nghìn là 1 200 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Bình Dương đến hàng trăm nghìn là 2 600 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Quảng Ninh đến hàng trăm nghìn là 1 300 000.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tỉnh thành** | **Số dân (người)** | **Làm tròn** | | Đà Nẵng | 1 169 500 | 1 200 000. | | Quảng Ninh | 1 370 600 | 1 300 000 | | Thái Bình | 1 870 200 | 1 900 000 | | Bình Dương | 2 580 600 | 2 600 000 |   - Kiểm tra đổi vở.  - HS nhận xét chưa bài cùng nhau. | |
| **3. Hoạt động vận dụng (7-10’)**  *\* Mục tiêu:*  - Biết vận dụng các số chẵn, số lẻ và làm tròn số đến hàng trăm nghìn trong thực tiễn cuộc sống.  - Qua hoạt động này HS hình thành và phát các NL toán học sau: NL tư duy và lập luận, NL giao tiếp, NL mô hình hóa toán học.  *\* Cách thực hiện*: | | |
| **Bài 8:**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - HS tìm hiểu giá tiền một số đồ vật, ghi lại các con số chỉ giá tiền cho bạn nghe.  - GV nhận xét, khen HS nêu được nhiều nhất các đồ vật có quanh ta và nêu được  giá tiền của các vật dụng đó.  **\* Củng cố, dặn dò.**  - Qua bài học hôm nay các em biết thêm những điều gì ?  - Hãy nêu cảm nhận qua bài học em luyện tập được những gì?  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài tiếp theo: *Số tự nhiên, dãy số tự nhiên* - Trang 31, 32. | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Em hãy tìm hiểu giá tiền một số đồ vật có giá trị đến triệu đồng, chục triệu đồng, trăm triệu đồng rồi ghi lại.  *Ví dụ:*  *- Chiếc máy tính để bàn có giá khoảng 8 triệu đồng.*  *- Chiếc tủ lạnh có giá khoảng 23 triệu đồng.*  *- Chiếc ô tô có giá khoảng 750 triệu đồng.*  + HS nêu giá tiền của một số đồ vật quanh cuộc sống hàng ngày của chúng ta và gia đình.  **Ví dụ:** Chiếc xe máy có giá khoảng 40 triệu đồng.  Chiếc ti vi có giá khoảng 25 triệu đồng.  Chiếc điện thoại di dộng có giá khoảng 15 triệu đồng.  Cái bảng con có giá khoảng 15 000 đồng  Hộp phấn có giá khoảng 5 000 đồng  Quyển vở ô ly 80 trang có giá khoảng  10 000 đồng,....  - HS nghe.  - HS trả lời.  - HS nêu cảm nhận sau khi luyện tập xong. | |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tiết 4: Hoạt động trải nghiệm

**Sinh hoạt theo chủ đề: DỰ ÁN HÀNH LANG XANH**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Thực hiện được việc trang trí hành lang lớp học bằng chậu cây làm từ chai nhựa tái chế.

- Xây dựng được góc Nghệ thuật thiên nhiên đặt ử hành lang lớp học.

- Tích cực tham gia dự án Hành lang xanh bằng những việc làm cụ thể.

- Vận dụng vào thực tiễn: Biết nhận xét cảnh quan trường, lớp để tham gia giữ gìn trường em xanh, sạch, đẹp.

***\*GDQCN: Quyền và nghĩa vụ tham gia vào các hoạt động văn hóa (do nhà trường, địa phương tổ chức).***

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Các hoạt động dạy – học chủ yếu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động(3-5’)**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Thông qua khởi động, học sinh thêm yêu trường, lớp và có hành động tốt thể hiện tình yêu đó.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức múa hát bài “Mái trường mến yêu” – Nhạc và lời Lê Quốc Thắng để khởi động bài học.  - GV Cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát và các hoạt động múa, hát mà các bạn thể hiện trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | | - Một số HS lên trước lớp thực hiện. Cả lớp cùng múa hát theo nhịp điều bài hát.  - HS chia sẻ nhận xét về các bạn thể hiện múa hát trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá(15-20’)**  **-** Mục tiêu:  + Đề xuất được ý tưởng trang trí hành lang lớp học bằng chậu làm từ chai nhựa tái chế.  + Thực hiện được việc trang trí hành lang lớp học  + Rèn luyện và phát triển năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, kĩ năng làm việc nhóm.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 3: Trang trí hành lang lớp học (Làm việc nhóm, tổ)**  - GV chia lớp thành các nhóm hoặc theo tổ (từ 4-6 HS).  - GV nêu nhiệm vụ hoạt động: Các nhóm thảo luận đề xuất ý tưởng trang trí hành lang lớp học bằng chậu cây làm từ chai nhựa tái chế bằng chính những chậu cây HS đã sáng tạo trong tiết Hoạt động giáo dực theo chủ đề tuần trước.  - GV khuyến khích HS có các ý tưởng trang trí hành lang sáng tọa, độc đáo.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS.  - Hết thời gian thảo luận, GV mời các nhóm trình bày và thống nhất ý tưởng trang trí.  - GV tổ chức cho HS thực hiện trang trí hành lang lớp học theo ý tưởng đã thống nhất. GV nhắc HS lưu ý đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện.    - GV nhận xét phần trang trí hành lang lớp học, động viên, khích lệ học sinh. | | - HS lắng nghe nhiệm vụ.  - HS chia các nhóm, bầu nhóm trưởng, thư kí và tiến hành thảo luận, đưa ra ý tưởng trang trí hành lang lớp học.  - Các nhóm lần lượt trình bày ý tưởng của nhóm mình. Các nhóm khác góp ý, bổ sung. Sau đó cả lớp thống nhất ý tưởng trang trí.  - Cả lớp làm việc nghiêm túc và chú ý an toàn.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Luyện tập(10-15’)**  **-** Mục tiêu: Xây dựng được góc *Nghệ thuật thiên nhiên* và sáng tạo được sản phẩm để trang trí góc *Nghệ thuật thiên nhiên*.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **\* Hoạt động 4: Xây dựng góc Nghệ thuật thiên nhiên (Làm việc nhóm)**  - GV chia lớp thành các nhóm.  - GV tổ chức cho các nhóm thảo luận về góc Nghệ thuật thiên nhiên đặt ở hành lang lớp học theo các nội dung sau:  + Ý tưởng thiết kế và sử dụng góc Nghệ thuật thiên nhiên;  + Các sản phẩm sẽ làm để trang trí góc Nghệ thuật thiên nhiên: lá cây, cành khô, ...  - GV theo dõi, hỗ trợ HS.  - Hết thời gian thảo luận, GV mời các nhóm chia sẻ và trao đổi về kết quả thảo luận của nhóm mình.  - GV yêu cầu HS tiến hành sáng tạo các sản phẩm để trang trí góc Nghệ thuật thiên nhiên.  - GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc khi sáng tạo được các tác phẩm để trang trí góc Nghệ thuật thiên nhiên đặt ở hành lang lớp mình.  - GV nhận xét, động viên, khích lệ học sinh.  **\* GDQCN:** - ***Trẻ em có quyền được bình đẳng tham gia các hoạt động văn hóa phù hợp với độ tuổi do nhà trường, địa phương tổ chức.Ví dụ:Văn hóa đọc sách, tìm hiểu truyền thống lịch sử của địa phương, các câu lạc bộ....***  ***- Các em học sinh có nghĩa vụ tham gia các hoạt động văn hóa nhằm hình thành các thói quen, đạo đức tốt; dần hoàn thiện nhân cách, ứng xử có văn hóa trong trường học, đời sống.*** | - HS lắng nghe nhiệm vụ.  - HS chia các nhóm, bầu nhóm trưởng, thư kí và tiến hành thảo luận, đưa ra ý tưởng thiết kế góc Nghệ thuật thiên nhiên.  - Các nhóm lần lượt trình bày ý tưởng của nhóm mình. Các nhóm khác góp ý, bổ sung.  - HS tiến hành sáng tạo các sản phẩm.    - Một số HS chia sẻ cảm xúc.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm(3-5’)**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: nêu ý tưởng thực hiện dự án Hành lang lớp học  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV mời học sinh thảo luận cả lớp xây dựng kế hoạch, phân công chăm sóc các chậu cây ở hành lang lớp học và sáng tạo những tác phẩm để trang trí góc Nghệ thuật thiên nhiên.  - GV mời các HS trình bày ý kiến.  - GV nhận xét, tổng hợp ý kiến và tuyên dương (Những ý kiến hay, phù hợp GV có thể lên kế hoạch để HS thực hiện dưới sự hỗ trợ của giáo viên)  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS thảo luận, và đưa ra sáng kiến đẻ cải thiện cảnh quan.  - HS trình bày.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm | |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Buổi chiều**

Tiết 1: Khoa học

**BÀI 4: KHÔNG KHÍ XUNG QUANH TA ( tiết 2 )**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Quan sát, làm được thí nghiệm để nhận biết được sự có mặt của không khí; xác định được một số tính chất của không khí.

- Trình bày được một số ứng dụng tính chất của không khí trong đời sống.

- Rèn luyện kĩ năng làm thí nghiệm, hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện thí nghiệm, trải nghiệm để kiểm chứng vai trò, tính chất của nước đối với cuộc sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng tính chất của nước để thực hiện một số vấn đề quan trọng trong đời sống hằng ngày.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thí nghiệm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để năm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dùng chung cho cả lớp:** Hình ảnh về biểu đồ thành phần không khí; các hình ảnh minh họa trong sách giáo khoa cho các thí nghiệm về không khí được thực hiện.

**2. Thiết bị dùng để thực hành theo nhóm, cá nhân:** Bộ dụng cụ thí nghiệm cho từng nhóm: hai cốc nước như nhau, các viên nước đá; một chậu nước, một chai rỗng có nắp đậy, một miếng mút xốp; một chiếc bơm tiêm.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động (3-5’)**  **\*Mục tiêu:**  - Tạo không khí hứng khởi trước giờ học. | | |
| \***Cách thực hiện:**  - GV cho cả lớp vận động và hát theo bài hát “ Em yêu trường em”.  - GV dẫn dắt vào bài. | | - HS vận động và hát theo bài hát.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá (15-20’)**  **\*Mục tiêu**:  - Nhận biết được không khí có ở khắp nơi. | | |
| **\*Cách thực hiện:**  **HĐ1: Thực hành thí nghiệm nhận biết không khí có ở khắp nơi**  - GV phổ biến cho HS thực hiện thí nghiệm để nhận biết không khí có ở khắp nơi như sau:  *\*Chuẩn bị: Một chậu nước, một chai rỗng có nắp đậy, một miếng mút xốp.*  *\*Tiến hành:*  *+ Mở nắp, để chai ở bất kì vị trí nào xung quanh em rồi đóng nắp lại. Dự đoán trong chai có chứa gì.*  *+ Nhúng phần miệng chai đã được đậy kín ngập trong nước rồi mở nắp chai, em thấy có gì nổi lên mặt nước. Vậy bên trong chai rỗng đó có chứa gì?*  *+ Hãy đưa ra cách làm để chứng minh bên trong những lỗ nhỏ li ti của miếng mút xốp khô có chứa không khí và thực hiện theo cách làm đó.*  - GV chia lớp thành các nhóm 6, phát bộ thí nghiệm cho từng nhóm và yêu cầu các nhóm tiến hành thí nghiệm.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV đặt câu hỏi: *“Qua hai thí nghiệm trên, cho biết không khí có ở đâu?”*  - GV yêu cầu HS nêu thêm một số vật có chứa không khí xung quanh em.  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  **HĐ2: Tìm hiểu một số tính chất của không khí**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK trang 18 – 19.  *“Sử dụng các giác quan để trả lời những câu hỏi sau:*  *+ Em có nhìn thấy không khí không? Vì sao?*  *+ Không khí có mùi gì? Có vị gì?*  *+ Khi em ngửi thấy mùi thơm hay mùi khó chịu thì đó có phải là mùi của không khí không? Cho ví dụ.”*  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời từng câu hỏi, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK trang 19.  *“Em có nhận xét gì về hình dạng của không khí chứa trong các vật dưới đây. Từ đó cho biết không khí có hình dạng nhất định không.”*  sgk tr 19 - KH4 - CD  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để đưa ra nhận xét về hình dạng của không khí chứa trong các vật trên.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV đặt câu hỏi: *“Không khí có hình dạng nhất định không?”*  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV phổ biến cho HS thực hiện thí nghiệm để tìm hiểu tính chất giãn nở của không khí như sau:  *\*Chuẩn bị: Một chiếc bơm tiêm như hình 10a.*  *\*Tiến hành:*  *+ Bịt kín đầu dưới bơm tiêm rồi dùng tay ấn ruột bơm tiêm như hình 10b. Sau đó thả tay ra.*  *+ Mô tả hiện tượng xảy ra và giải thích.*  sgk tr 19 - KH4 - CD - 1  - GV chia lớp thành các nhóm 6, phát bộ thí nghiệm cho từng nhóm và yêu cầu các nhóm tiến hành thí nghiệm.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để nêu một số tính chất của không khí qua các hoạt động trên.  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có). | - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Dự đoán trong chai có chứa không khí.*  *+ Thấy có bong bóng nổi lên mặt nước. Vậy bên trong chai rỗng đó có chứa không khí.*  *+ Cách làm để chứng minh bên trong những lỗ nhỏ li ti của miếng mút xốp khô có chứa không khí: Nhúng miếng mút xốp vào nước sẽ thấy có bong bóng khí nổi lên mặt nước.*  - HS trả lời.  *+ Không khí có ở khắp mọi nơi.*  - HS trả lời.  *+ Quả bóng bay, chai, lọ...*  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  - HS trả lời.  *+ Không nhìn thấy không khí vì không khí không có màu.*  *+ Không khí không có mùi, không có vị.*  *+ Đó không phải là mùi của không khí. VD: Khi giặt đồ, em sẽ ngửi thấy mùi thơm thoang thoảng trong không khí nhưng đó là mùi xà phòng chứ không phải là mùi của không khí.*  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Không khí mang hình dạng các vật chứa nó.*  - HS trả lời.  *+ Không khí không có hình dạng nhất định.*  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Ruột bơm tiêm sẽ dần dần di chuyển lại vị trí ban đầu vì bị không khí có trong ống bơm đẩy lên.*  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  *+ Không khí trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định. Không khí có thể bị nén lại hoặc giãn ra.*  - HS lắng nghe. | |
| **3. Luyện tập và vận dụng(10-15’)**  **\*Mục tiêu**:  - Trình bày được một số ứng dụng tính chất của không khí trong đời sống. | | |
| **\*Cách thực hiện:**  **HĐ3: Tìm hiểu một số ứng dụng tính chất của không khí đối với đời sống**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK trang 19.  *“Tính chất nào của không khí được ứng dụng để làm những đồ dùng trong mỗi hình dưới đây?”*  sgk tr 19 - KH4 - CD - 3  - GV yêu cầu một số HS trả lời, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để nêu một số ví dụ khác về việc ứng dụng tính chất của không khí trong đời sống.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  ***\*Củng cố, dặn dò***  - GV yêu cầu HS về nhà xem lại bài.  - GV yêu cầu HS chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo: “Sự chuyển động của không khí”. | | - HS đọc yêu cầu.  - Một số HS trả lời, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Tính chất của không khí được ứng dụng để làm những đồ dùng trong mỗi hình đó là tính giãn nở và không có hình dạng nhất định mà sẽ phụ thuộc vào hình dạng của đồ vật. Tính giãn nở thể hiện ở chỗ làm căng các đồ vật.*  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Khi ta dùng cây bơm để bơm xe đạp: Khi đẩy ruột cây bơm xuống thì không khí bị nén xuống và bị đẩy vào lốp xe.*  *+ Ta thấy quả bóng bay theo nhiều hình dạng khác nhau vì không khí trong quả bóng phụ thuộc vào tạo hình của quả bóng.*  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tiết 2: Toán tăng

**LUYỆN TẬP LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn, chục nghìn

- Vận dụng được cách làm tròn số và nêu được tình huống vận dụng trong một số trường hợp đơn giản

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**2. Phẩm chất:**

*-* Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Powerpoint.

- Phiếu học tập, đồng hồ

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Khởi động:(3-5’)**  - Cho lớp chơi trò chơi “ Tiếp sức” trong thời gian 1 phút hãy viết được nhiều nhất số có sáu chữ số  - GV cho 1 HS nêu cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn  =>GV chốt: Khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, ta so sánh chữ số hàng chục nghìn với 5. Nếu chữ số hàng chục nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống(lùi), còn lại thì làm tròn lên  ( tiến).  - GV nhận xét, giới thiệu bài  **2. Luyện tập:(20-25’)**  **Bài 1:**Thực hiện yêu cầu sau  - GV nêu nhiệm vụ: Hãy làm tròn các số vừa nêu đến hàng trăm nghìn.  - GV có thể cho HS lấy thêm VD tương tự (Tiếp tục thực hành làm tròn số đến hàng trăm nghìn)  *=>Chốt:* *Khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, ta so sánh chữ số hàng chục nghìn với 5. Nếu chữ số hàng chục nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống(lùi), còn lại thì làm tròn lên( tiến).*  **Bài 2: Số**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số | Làm tròn đến hàng | | | Chục nghìn | Trăm nghìn | | 513 999 |  |  | | 1 388 000 |  |  | | 25 666 666 |  |  |   - Y/c HS đọc và phân tích bài  - Lớp phó học tập điều hành các bạn trao đổi báo cáo.  - GV nhận xét chốt đáp án  **Bài 3: Tính và làm tròn kết quả đến hàng trăm nghìn**   |  |  | | --- | --- | | (28 370+ 9 090) x 3 | 76 380: 2 x 4 |   - Y/c HS đọc đề bài  - Có mấy yêu cầu?  - Y/c HS làm thảo luận theo nhóm đôi và làm bài vào vở  - Gọi 2 HS lên bảng chữa bài  - Cho HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - BT3 đã củng cố kiến thức gì?  *+GV củng cố cách tính giá trị biểu thức, cách làm tròn số cho HS.*  **3. Vận dụng:**  **Bài 4:** Mẹ muốn chọn một cuộn dây dài khoảng 100 000 cm. Theo em, mẹ nên chọn cuộn dây nào ? Biết Độ dài cuộn dây thứ nhất là  12 345cm. Độ dài cuộn dây thứ hai là 80 845 cm, độ dài cuộn dây thứ ba là 100 209 cm.  - Mời học sinh đọc độ dài có trong mỗi cuộn dây trong đề bài.  + Mẹ muốn chọn cuộn dây có độ dài khoảng bao nhiêu xăng-ti-mét?  + Vậy khi chọn, mẹ nên chọn cuộn dây nào ? Vì sao ?  - Nhận xét, tuyên dương.  -Qua bài học, em được củng cố thêm điều gì ?   * - Nhận xét, dặn dò: Em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến việc làm tròn số đến hàng chục nghìn, trăm nghìn. | -3 nhóm đại diện, 3HS lên bảng viết  - HS đọc số vừa viết.  - HS nêu.  - HS lắng nghe  - HS làm việc nhóm đôi.  - HS đại diện lên bảng + nhóm khác nhận xét bổ sung.  - HS lắng nghe  - HS đọc và phân tích yêu cầu  - HS làm bài cá nhân  - Lớp phó học tập điều khiển các ban trao đổi báo cáo kết quả   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số | Làm tròn đến hàng | | | Chục nghìn | Trăm nghìn | | 513 999 | 510 000 | 500 000 | | 1 388 000 | 1 390 000 | 1 400 000 | | 25666 666 | 25670 000 | 25700000 |   - HS đọc đề bài  - 2 yêu cầu: tính và làm tròn kết quả đến hàng trăm nghìn  - HS thảo luận thống nhất cách làm.  - Cách tính giá trị biểu thức và cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn  -  - Độ dài cuộn dây thứ nhất là 12345cm. Độ dài cuộn dây thứ hai là 80 845 cm, độ dài cuộn dây thứ ba là 100 209 cm  - 100 000 cm  - Cuộn dây 100 209cm.Vì cuộn dây 100 209 cm được làm tròn là 100 000 cm  - Rèn kĩ năng quy ước làm tròn các số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn.  - HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tiết 3: Lịch sử và Địa lí

**BÀI 3: THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ ( tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Xác định được vị trí địa lý của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện sử dụng bản đồ, lược đồ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sưu tầm một số tranh ảnh, tư liệu về một số địa danh tiêu biểu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và chia sẻ với các bạn trong lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết chia sẻ, giúp đỡ bạn trong sử dụng, thực hành các hoạt động tìm hiểu về vị trí địa lí vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi và luôn tự giác tìm hiểu khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể, có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

- Phẩm chất yêu nước: Yêu và tự hào về cảnh đẹp vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên**

- Powerpoint minh hoạ cho bài học.

- Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam khổ to, in sẵn khổ A0 dùng cho các nhóm.

- Lược đồ hình 1 trang 15 SGK phóng to.

- Tranh ảnh, video về phong cảnh về dãy Hoàng Liên Sơn, vùng trung du và một số cao nguyên nổi tiếng như: Đồng Văn (tỉnh Hà Giang) Mộc Châu (tỉnh Sơn La)...

- Máy tính, tivi.

**2. Học sinh**

- Sưu tầm một số bức ảnh về phong cảnh, ảnh tuyết rơi ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3-5’)**  Mục tiêu:  - Kết nối được kiến thức của HS đã biết với nội dung kiến thức mới trong bài.  - Giới thiệu sơ lược về các vùng miền học trong chương trình LS&ĐL lớp 4.  - Tạo hứng thú và gợi được những hiểu biết của HS về đỉnh núi cao nhất của nước ta. | |
| \* Chiếu video bài hát “Xin chào Việt Nam”, dẫn dắt giới thiệu về nội dung video và chương trình *LS&ĐL Lớp 4.*  \* Yêu cầu HS mở phần mục lục, hỏi HS các chủ đề tương ứng với các vùng miền của nước ta.  Trình chiếu kết hợp giới thiệu.  \* Dẫn vào bài học: (Kĩ thuật tia chớp)  - Nêu câu hỏi ở phần Khởi động trang 14 SGK.  + Em hãy cho biết đỉnh núi nào cao nhất nước ta?  + Đỉnh núi đó thuộc vùng nào của Việt Nam?  + Hãy chia sẻ hiểu biết về thiên nhiên vùng đất này.  - Mời 2 - 4 HS trả lời các câu hỏi.  - Nhận xét.  - Giới thiệu chủ đề, khuyến khích HS thực hiện dự án tổng hợp sản phẩm học tập sau chủ đề thành bộ sưu tập.  - Giới thiệu bài học. | - Xem video.  - Cá nhân đọc.  - 2 HS nêu.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Suy nghĩ, thi đua trả lời.  - 2 - 4HS trả lời.  - Cá nhân nghe, quan sát. |
| **2. Khám phá(20-25’)**  **2.1. Vị trí địa lí**  **Hoạt động 1: Xác định vị trí địa lí vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**  Mục tiêu: HS xác định được vị trí địa lí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên lược đồ. | |
| \* Hướng dẫn HS xác định hướng, vị trí trên lược đồ.  Đông  Nam  Bắc  Tây  Tây Bắc  Đông Nam  Đông Bắc  Tây Nam  - Nhắc HS lưu ý: khi chỉ trên bản đồ phạm vi của vùng thì phải khoanh kín theo ranh giới của vùng đó.  - Giao việc: Quan sát lược đồ hình 1 trang 15 SGK, em hãy:  + Chỉ ranh giới của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên hình 1.  + Cho biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ tiếp giáp với những vùng nào, quốc gia nào?  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ.  - Mời đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.  - Nhận xét, khen, khuyến khích HS.  - Kết luận, chốt kiến thức kết hợp chỉ lại và trình chiếu. | - Cá nhân theo dõi.  - Quan sát.  Vẽ nhanh vào vở ghi chép cá nhân.  - Cá nhân theo dõi.  - Cá nhân nghe, nhận nhiệm vụ.  - Thảo luận nhóm đôi.  - 2- 3 HS lên bảng.  HS khác nhận xét câu trả lời và cách chỉ lược đồ của bạn. |
| **2.2. Đặc điểm thiên nhiên**  **Hoạt động**  **2: Tìm hiểu về địa hình vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**  Mục tiêu: HS mô tả được đặc điểm địa hình vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, xác định được vị trí một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, cao nguyên Mộc Châu,...) trên lược đồ. | |
| \* Hướng dẫn HS đọc chú giải, xác định độ cao, địa hình tương ứng với từng màu sắc; xác định các kí hiệu liên quan.  \* Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ:  Đọc thông tin, quan sát hình 1 trang 15 SGK và tranh ảnh về dãy Hoàng Liên Sơn, vùng trung du và cao nguyên Đồng Văn (tỉnh Hà Giang), cao nguyên Mộc Châu (tỉnh Sơn La),... (nếu có), em hãy:  + Xác định vị trí dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, cao nguyên Mộc Châu  + Mô tả địa hình vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - Nhận xét, khen, khuyến khích HS.  - Kết luận.  \* Yêu cầu HS chỉ và nói lại với nhau trong nhóm đôi nội dung cô vừa chữa.  \* Mời HS đọc mục *Em có biết?* trang 15.  - Mở rộng cho HS thông tin về dãy Hoàng Liên Sơn.  - Chốt kết hợp minh hoạ trình chiếu: Đặc điểm địa hình vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: địa hình chủ yếu là núi cao, đồi dạng bát úp và nhiều cao nguyên nổi tiếng. Nơi đây có dãy Hoàng Liên Sơn cao, đồ sộ nhất nước ta với đỉnh Phan-xi-păng được mệnh danh là “Nóc nhà Đông Dương”… | - Cá nhân theo dõi, quan sát.  - Cá nhân nhận nhiệm vụ.  - Cá nhân thực hiện nhiệm vụ.  - Thảo luận nhóm 4.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời và cách chỉ lược đồ.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Hoạt động nhóm đôi.  - 2 HS đọc, lớp theo dõi.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát. |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu về khí hậu vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**  Mục tiêu: HS mô tả được đặc điểm khí hậu vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. | |
| \* Giới thiệu sơ lược về các đới khí hậu cơ bản trên Trái Đất.    Xích đạo  **Hàn đới**  **Ôn đới**  **Nhiệt đới**  - Phân tích sơ lược cho HS hiểu: ảnh hưởng của vị trí địa lí, địa hình đến khí hậu.  \* Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ học tập.  + Đọc thông tin và quan sát hình 2 trang 16 SGK, em hãy mô tả đặc điểm khí hậu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  + Vì sao vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu như vậy?  +Hãy giới thiệu về một số bức ảnh tuyết rơi ở Trung du và miền núi Bắc Bộ mà em đã sưu tầm (câu hỏi này không bắt buộc, khuyến khích HS làm).  - Kết luận, chốt: *Đặc điểm khí hậu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: khí hậu có sự khác biệt giữa mùa hạ và mùa đông. Đây là nơi có mùa đông lạnh nhất nước ta và đôi khi có tuyết rơi ở một số vùng núi cao.*  **Hoạt động 4: Tìm hiểu về sông ngòi vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**  Mục tiêu: Mô tả được đặc điểm sông ngòi vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  – Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp để thực hiện nhiệm vụ học tập.  + Xác định vị trí sông Hồng, sông Đà và sông Lô trên hình 1 trang 15 SGK.  + Đọc thông tin và quan sát hình 3 trang 16 SGK, em hãy mô tả đặc điểm sông ngòi của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **Lưu ý cho HS**: khi chỉ một dòng sông trên bản đồ thì cần phải chỉ từ nơi bắt nguồn đến nơi dòng sông đổ ra.  - Nhận xét kết quả thảo luận của các nhóm.  - KL, chốt kiến thức: *Đặc điểm sông ngòi vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: có nhiều sông, sông có nhiều thác ghềnh, nước chảy mạnh.* | - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân ghi vào vở ghi chép cá nhân các đới khí hậu.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nhận nhiệm vụ.  - Cá nhân thực hiện nhiệm vụ.  - Thảo luận nhóm 4.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp kết hợp chia sẻ bức ảnh tuyết rơi (nếu có).  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời và cách chỉ lược đồ.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân theo dõi.  - Quan sát.  Vẽ nhanh vào vở ghi chép cá nhân.  - Cá nhân theo dõi.  - Cá nhân nghe, nhận nhiệm vụ.  - Thảo luận nhóm đôi.  - 2- 3 HS lên bảng.  HS khác nhận xét câu trả lời và cách chỉ lược đồ của bạn. |
| **Củng cố, dặn dò** | |
| - Yêu cầu HS xem lại bài, nêu lại nội dung chính của bài học.  - Hướng dẫn HS hoàn thiện sản phẩm cho dự án về từng miền.  - Dặn HS về hoàn thiện nốt phần còn làm dở, sưu tầm thêm tranh ảnh, tìm hiểu thêm các thông tin liên quan đến bài học. | - Cá nhân xem lại bài.  - 2-3 HS nêu lại nội dung chính của bài.  - Cá nhân nghe, quan sát. |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***Thứ Năm ngày 03 tháng 10 năm 2024***

**Buổi chiều**

Tiết 1 : Tiếng Việt

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Sắp xếp được danh từ thành các nhóm.

- Phân biệt được các danh từ riêng chỉ tên người, tên địa lí.

- Viết được đoạn văn về một người chăm chỉ học tập hoặc ham thích lao động; chỉ ra được các danh từ chung, danh từ riêng trong đoạn văn đã viết.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Sử dụng danh từ trong nói và viết.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu danh từ, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu:**

- GV chuẩn bị: Ti vi, máy tính, tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

- HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập một, Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập một.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động(3-5’)**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV đưa đoạn thơ sau:  *Vua Hùng một sáng đi săn*  *Trưa tròn bóng nắng nghỉ chân chốn này*  *Dân dâng một quả xôi đầy*  *Bánh chưng mấy cặp, bánh giầy mấy đôi.*  - GV yêu cầu HS tìm các danh từ trong đoạn thơ trên.  ? Tìm danh từ chung, danh từ riêng trong đoạn thơ ?  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS đọc lại đoạn thơ  - HS trả lời: *vua / Hùng /(một) sáng/ trưa / (bóng) nắng / chân / chốn ( này)/ dân/ ( một )quả / xôi/ bánh chưng / bánh giầy/ ( cặp, đôi)*  + Danh từ riêng : *Hùng*  *+ Danh từ chung : vua /(một) sáng/ trưa / (bóng) nắng / chân / chốn ( này)/ dân/ ( một )quả / xôi/ bánh chưng / bánh giầy/ ( cặp, đôi)*  **-** HS lắng nghe. | |
| **2. Luyện tập(20-25’)**  - Mục tiêu:  + Sắp xếp được danh từ thành các nhóm.  + Phân biệt được các danh từ riêng chỉ tên người, tên địa lí.  + Viết được đoạn văn về một người chăm chỉ học tập hoặc ham thích lao động; chỉ ra được các danh từ chung, danh từ riêng trong đoạn văn đã viết.  - Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 1: Tìm và xếp các danh từ chung vào nhóm thích hợp (Sinh hoạt nhóm 4).**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài 1.  - Cả lớp sinh hoạt nhóm 4 – sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn tìm danh từ và xếp danh từ vào các nhóm.    - GV mời các nhóm báo cáo kết quả.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét kết luận và tuyên dương. | | - 1- 2 HS đọc yêu cầu bài 1.  - HS thảo luận nhóm 4  Các danh từ trong đoạn văn:  + Chỉ người: hàng xóm, người, cụ, phụ lão, bạn, học sinh.  + Chỉ vật: chuồng, mái, nhà, ( làn) khói, bếp, (đầu) làng, đồng, vải thiều.  + Chỉ con vật: gà, ( con) lợn.  + Chỉ thời gian: buổi sáng, hôm nay, Chủ nhật.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **Hoạt động 2: Xếp các danh từ riêng vào nhóm thích hợp. (làm việc nhóm 2)**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - Cả lớp sinh hoạt nhóm 2, cùng đọc thầm bài, thảo luận và và xếp các danh từ riêng vào các nhóm thích hợp sau:    - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV hỏi thêm: Khi viết hoa danh từ chỉ tên riêng người hay địa lí Việt Nam, cần phải chú ý điều gì?  - GV lưu ý : Trạng nguyên là danh từ chung, được viết hoa để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt  - GV nhận xét kết luận và tuyên dương. | | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - Cả lớp sinh hoạt nhóm 2 cùng đọc thầm, thảo luận bài và xếp các danh từ riêng vào các nhóm thích hợp sau:   |  |  | | --- | --- | | Tên người | Tên địa lí | | Nguyễn Hiền  Trần Thái Tông | Dương A  Nam Thắng  Nam Trực  Nam Định |   - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Cần viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng tạo thành tên riêng đó.  - HS lắng nghe và ghi nhớ.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **Hoạt động 3 : Viết đoạn văn (Làm việc cá nhân)**  - GV mời HS đọc yêu cầu của bài.  - GV mời HS làm việc cá nhân, viết vào vở Viết đoạn văn ( 4 – 5 câu) về một người chăm chỉ học tập hoặc ham thích lao động. Chỉ ra danh từ chung và danh từ riêng em đã sử dụng trong đoạn văn.  - GV thu vở chấm một số bài, nhận xét, sửa sai và tuyên dương học sinh.  - GV nhận xét, tuyên dương chung. | | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3.  + HS làm bài vào vở.  VD: *Nam là một học sinh giỏi và chăm chỉ. Hằng ngày, Nam thường dậy rất sớm cùng bà nội quét sân, vườn và cả ngõ chung của mấy nhà nữa. Sau khi ăn sáng xong, bạn còn kịp giúp bố mẹ rửa bát đĩa rồi mới đến trường. Ở lớp, cô giáo luôn khen Nam là chăm chỉ và có thành tích học tập tốt. Nam còn là “ cây toán” của lớp em.*  + HS nộp vở để GV chấm bài, đánh giá.  + HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.(5-7’)**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.  + GV chuẩn bị một số từ ngữ trong đó có danh từ chung, danh từ riêng và các từ khác như động từ, tính từ để lẫn lộn trong hộp.  + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)  + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là danh từ chung, từ nào là danh từ riêng có trong hộp đưa lên dán trên bảng. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.  - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tiết 2: Toán

**SỐ TỰ NHIÊN, DÃY SỐ TỰ NHIÊN**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Ôn tập củng cố, khái quát hóa một số kiến thức về số tự nhiên và dãy số tự nhiên.

- Làm quen với yếu tố lịch sử toán thông qua kiến thức về lịch sự phát sinh, phát triển của khái niệm số tự nhiên. Từ đó, củng cố sự ham thích và niềm tin khi học Toán.

- Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tiếp thu kiến thức bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

- **GV**: Tranh khởi động; SGK Toán 1; Tivi LCD.

- **HS**: SGK, VBT Toán tập 1, bộ đồ dùng học Toán 4.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3-5’)**  *\* Mục tiêu:*  - Cho học sinh ổn định tổ chức đầu giờ, tạo tâm thế vui tươi, phấn khởi khám phá và kết nối với bài học về số tự nhiên, dãy số tự nhiên.  - Qua hoạt động này HS phát triển được các NL: Đó là NL giao tiếp toán học.  *\* Cách thực hiện*: | |
| - ***Ổn định tổ chức****:* Cho HS hát “ Bé học phép trừ”.  - ***Khởi động***: Chơi trò chơi “*Ai là triệu phú*”.  *Câu 1:* Cho số 576123. Làm tròn số này đến hàng chục nghìn ta được số:  **A**. 576000; **B**. 570000  **C**. 580000; **D**. 600000  *Câu 2:* Có 21 292 người ở lễ hội ẩm thực. Hỏi lễ hội có khoảng bao nhiêu nghìn người?  **A**. 22 000 người; **B**. 21 000 người  **C**. 21 900 người; **D**. 21 200 người  *Câu 3*: Trong số 436 731 các số thuộc lớp nghìn gồm những số:   1. 7, 3, 1 2. 4, 3, 6 3. 4, 3, 7   *Câu 4*: Trong số 280 436 731 các chữ số thuộc lớp triệu gồm những chữ số:   1. 2, 8, 4 2. 2, 8, 0 3. 2, 4, 0   *Câu 5*: Cho các số: 0, 9, 3, 1, 5, 2, 4, 8, 7; 6 Xếp các số theo thứ tự tăng dần:   1. 0,1,3,2,4,5,6,7,8,9 2. 0,1,2,3,9,5,6,7,8,4 3. 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9   + Em hãy kể một vài số đã học?  + Số 123 456 123 được tạo bởi mấy chữ số? Đó là các số nào?  *\* GV nêu và giới thiệu*: Các chữ số 1, 2, 3, 4, 5, 6. Là các kí hiệu toán học dùng để biểu diễn các số. Người Babylon phát triển một hệ đếm cơ bản với các số từ 1 đến 10. Thời Ai cập cổ đại cổ người dùng hình vẽ để biểu diễn số.  - Quan sát tranh và thảo luận.    - Để biểu diễn số 1 000 000 người Ai Cập cổ đã dùng những hình vẽ gì để biểu diễn các số?  - Số 321 431 được biểu diễn bới các kí hiệu nào?  - ***Kết nối***: Để biểu diễn số 1 000 000 người Ai Cập cổ đã vẽ một người đàn ông với dáng vẻ kinh ngạc. Ngày nay, để biểu diễn số người ta dùng các chữ số Ả rập. Vậy số tự nhiên xuất hiện nhằm mục đích gì? Thành tựu lớn nhất của số tự nhiên là gì? Đó là chính là việc trừu tượng hóa, dùng các chữ số để chỉ số lượng. Từ đây hình thành hệ thống để đếm được số lượng lớn, vậy số tự nhiên là gì, dãy số tự nhiên là gì ta học bài hôm nay.  - ***Ghi bảng***: *Số tự nhiên, dãy số tự nhiên*  **\* GV chốt chuyển** | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  - HS chơi trò chơi.  - Đáp án đúng: **C**. 580000  Số 576123 có chữ số hàng nghìn là  6 > 5 nên làm tròn số này đến hàng chục nghìn ta được 576123 ≈ 580000.  - Đáp án đúng: **B**. 21000 người  Từ yêu cầu đề bài ta sẽ làm tròn số 21292 đến hàng nghìn.  Vì số 21292 có chữ số hàng trăm là  2 < 5 nên làm tròn số này đến hàng nghìn ta được 21292 ≈ 21000.  - Đáp án đúng: **B**. 4, 3, 6  - Đáp án đúng: **A**. 2, 8, 0  - Đáp án đúng: **C:** 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9  - Các số: 0; 1; 2; 3; ... ; 9; 10; ... ; 100; ... ; 1000; ...  - Số 123 456 123 được tạo bởi 6 con số có thứ tự từ 1 đến 6. Đó là các số: 1, 2,  3, 4, 5, 6.  - HS quan sát tranh và thảo luận nhóm.      - HS nghe.  - HS nhắc nối tiếp và ghi đầu bài vào vở. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức (15-20’)**  *\* Mục tiêu:*  - Ôn tập củng cố, khái quát hóa một số kiến thức về số tự nhiên và dãy số tự nhiên.  - Làm quen với yếu tố lịch sử Toán thông qua kiến thức về lịch sử phát sinh, phát triển khái niệm số tự nhiên.  *\* Cách tiến hành:* | |
| *1. Số tự nhiên có từ bao giờ?*  - GV yêu cầu HS đọc, và thảo luận nhóm 2 trả lời các câu hỏi sau:  - Số tự nhiên có từ bao giờ?  *2. Số tự nhiên là những số nào?*  *3. Thế nào là dãy số tự nhiên?*  - Để có hình ảnh về dãy số tự nhiên ta có thể biểu diễn các số tự nhiên ở đâu?  \* Số 0 ứng với điêm gốc của tia số, mỗi số tự nhiên ứng với một điểm trên tia số. Tia số có thể kéo dài mãi mãi.  *4. Dãy số tự nhiên có những đặc điểm gì?*  \* ***GV kết luận***: Số tự nhiên dùng để biểu thị phép đếm. Các sô tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên; Dãy số tự nhiên có đặc điểm là: Thêm 1 vào bất cứ số nào cũng được số tự nhiên liền sau đó; Hai số tự nhiên liên tiếp thì hơn kém nhau là 1 đơn vị; Không có số tự nhiên lớn nhất và dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi. Số 0 là số tự nhiên bé nhất.  **Ví dụ 1:** Tìm số liền trước, liền sau của các số dưới đây: 56 372 5729 466  **Ví dụ 2:** Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 162, ...., 164 ...., 472, 473 856, 857, ....  **\* GV chốt chuyển** | **-** HS đọc, và thảo luận nhóm 2 trả lời các câu hỏi.  - Số tự nhiên có từ thời cổ xưa.  2. Phát sinh từ việc đếm các đồ vật, con người, vật nuôi, hoa quả,... đây là kết quả của các phép đếm là các số một, hai, ba,... Ngày nay gọi Các số: 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; ...; 100; ... ; 1000; ... là các số tự nhiên.  3. Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên.  0; 1; 2; 3; 4; 5;6; 7;8;9; 10;.....  - Có thể biểu diễn dãy số tự nhiên trên tia số:    4. Dãy số tự nhiên có những đặc điểm  + Thêm 1 vào bất cứ số nào cũng được số tự nhiên liền sau đó. Vì vậy, không có số tự nhiên lớn nhất và dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi.  + Chẳng hạn, số 1 000 000 thêm 1 được  số tự nhiên liền sau là 1 000 001, số 1 000 001 thêm 1 được một số tự nhiên liền sau là 1 000 002, ...  + Bớt 1 ở bất kì số nào (khác số 0) cũng được số tự nhiên liền trước số đó.  + Chẳng hạn, bớt 1 ở số 1 được số tự nhiên liền trước số 0. Không có số tự nhiên nào liền trước số 0 nên số 0 là số tự nhiên bé nhất.  + Trong dãy số tự nhiên, hai số liên tiếp thì hơn hoặc kém nhau 1 đơn vị.  **Ví dụ 1:**  - Số liền trước của 56 là 55. Số liền sau của 56 là 57.  + Số liền trước của 372 là 371. Số liền sau của 372 là 373.  + Số liền trước của 5729 là 5728. Số liền sau của 5729 là 5730.  + Số liền trước của 466 là 465. Số liền sau của 466 là 467.  **Ví dụ 2:**  - Trong dãy số 162, ...., 164, ta cần điền thêm số 163 để được ba số tự nhiên liên tiếp.  - Trong dãy số ...., 472, 473, ta cần điền  thêm số 471 để được ba số tự nhiên liên tiếp.  - Trong dãy số 856, 857, ...., ta cần điền  thêm số 858 để được ba số tự nhiên liên tiếp. |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành (10-15’)**  *\* Mục tiêu:*  - Vận dụng được các kiến thức về số tự nhiên và dãy số tự nhiên vào thực tế cuộc sống.  - Qua hoạt động này học sinh hình thành và phát triển được các NL sau: Năng lực mô hình hóa toán học, Giải quyết vấn đề và sáng tạo.  *\* Cách tiến hành:* | |
| **Bài 1: cá nhân**  - GV gọi HS đọc yêu cầu  - Bài yêu cầu làm gì?  - YC HS thực hiện theo cá nhân.  - YC học sinh làm vở bài tập.  - GV nhận xét, chữa bài.  **\* GV chốt, chuyển**  **Bài 2:** **cá nhân**  - Đọc yêu cầu bài.  - Gọi Hs đọc câu hỏi:  Ba bạn An, Bình và Cường đang tranh luận xem đâu là dãy số tự nhiên. Theo em, bạn nào đúng?  - Gv nhận xét, chữa bài, khen HS.  **\* GV chốt, chuyển.**  **\* Củng cố, dặn dò.**  - Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì?  - Để có thể làm tốt các bài tập trên em  nhắn bạn điều gì?  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài học sau:*Viết số tự nhiên trong hệ thập phân* | - HS đọc yêu cầu.  - Chọn đáp án đúng.  Ba số tự nhiên liên tiếp là:  **A**. 100, 101, 103.  **B**. 199, 200, 201.  **C**. 210, 220, 230.  **D**. 896, 898, 900.  - HS làm vở bài tập.  *Lời giải:*  Đáp án đúng là: **B**  Ba số tự nhiên liên tiếp là:  199, 200, 201.  **Bài 2:** **cá nhân**  - HS đọc yêu cầu và câu hỏi:    - Bạn Cường đúng.  ***Chú ý:*** Số 0 là số tự nhiên bé nhất. Không có số tự nhiên lớn nhất và dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi.  - Dãy số của bạn An kết thúc ở số 100 nên sai.  - Dãy số của bạn Bình bắt đầu từ 1 nên sai.  - HS trả lời.  - HS trả lời. |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tiết 3 : Tiếng Việt tăng

**ÔN TẬP VỀ DANH TỪ**

**I**. **Yêu cầu cần đạt**:

**1. Năng lực đặc thù.**

- HS xác định đ­ược DT chung và DT riêng trong các bài tập.

- Phát triển năng lực văn học:

+ Biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tự chủ trong tìm hiểu nội dung bài học để nhận diện và biết cách sử dụng danh từ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu danh từ, vận dụng bài học vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

**-** GV : Bài giảng trình chiếu.

-HS: vở ghi, bút.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:(3-5’)**  - Thế nào là danh từ chung và danh từ riêng?  - Hãy lấy VD về 2 loại danh từ.  - Khi viết danh từ riêng cần lưu ý điều gì?  *\*Chốt:* *Danh từ chung là tên chung của một loại sự vật; Danh từ riêng là tên của một sự vật cụ thể.*  *Danh từ riêng luôn được viết hoa*.  **2:** **Luyện tập(20-25’)**  **Bài 1:** GV treo bảng phụ.  Gạch một gạch dưới danh từ riêng, hai gạch dưới danh từ chung trong các đoạn thơ, đoạn văn sau:  a) Qua cầu sông Đuống ban đêm  Điện nhà máy Gỗ, máy Diêm sáng ngời.  Tưởng đâu sông Đuống ngủ rồi.  Mà câu quan họ ghẹo người vẫn sang.  b) Sông Hương là một đặc ân mà thiên nhiên dành cho Huế, làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ đẹp êm đềm.  - Cho HS đọc nội dung bài tập, xác định yêu cầu, thảo luận nhóm đôi làm bài vào vở.  - Chốt lời giải đúng.  - Cho HS nhắc lại để phân biệt danh từ chung, danh từ riêng.  **Bài 2:** Viết lại các cụm từ sau cho đúng quy tắc viết hoa danh từ riêng.  a. xã kim liên, huyện nam đàn, tỉnh nghệ an.  b. sông cửu long, núi ba vì, chùa thiên mụ, cầu hàm rồng, hồ hoàn kiếm, đèo hải vân ...  c. qua đèo ngang, tới vũng tàu, đến cầu giấy, về bến thuỷ.  *=>Củng cố cách viết tên danh từ riêng.*  **Bài 3:** Trong các đoạn văn sau, danh từ riêng không đ­ược viết hoa. Em hãy viết lại cho đúng.  a) Ở xã vinh quang, huyện chiêm hóa, tỉnh tuyên quang, ai cũng biết câu chuyện cảm động về em đoàn trường sinh 10 năm cõng bạn đến trường.  b) Từ cầu hiền lương, thuyền xuôi khoảng sáu cây số nữa là đã gặp biển cả mênh mông. Nơi dòng bến hải gặp sóng biển khơi ấy chính là cửa tùng.  - Yêu cầu HS viết lại các danh từ riêng vào vở.  - Chữa bài cho HS.  **3. Vận dụng:(3-5’)**  - Thế nào là danh từ chung và danh từ riêng ?  - Nhận xét tiết học. Ôn lại kiến thức vừa luyện tập. | - HS thảo luận theo cặp.  - HS trình bày trước lớp.  - HS nêu VD ghi vào bảng con.    - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS thảo luận nhóm đôi làm bài vào vở. 1 nhóm làm trên bảng phụ.  *Đáp án:*  *a) + Danh từ riêng: (sông) Đuống, (nhà máy) Gỗ, Diêm.*  *+ Danh từ chung: sông, ban đêm, nhà máy, điện, quan họ, người.*  *b) + Danh từ riêng: (sông) Hương, Huế.*  *+ Danh từ chung: sông, thiên nhiên, không khí, thành phố, chợ búa.*  - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS làm vào vở.  - Đổi vở, nhận xét.  -1 HS nêu yêu cầu bài tập.  -1 HS đọc đoạn văn.  - HS làm vào vở.  - 1 HS làm bảng lớp.  - Nhận xét.  - HS nêu.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***Thứ Sáu ngày 04 tháng 10 năm 2024***

**Buổi sáng**

Tiết 3 : Tiếng Việt

**GÓC SÁNG TẠO: ĐỐ VUI: AI CHĂM, AI NGOAN?**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1.Kiến thức**

- Viết được đoạn văn ( đoạn thơ) về một người bạn chăm chỉ ( hoặc con vật biểu tượng của phẩm chất chăm chỉ).

- Nói ( đọc) rõ ràng, truyền cảm khi ra câu đố và giải đố.

- Biết trang trí cây hoa phù hợp với chủ điểm *Chăm học, chăm làm.*

- Phát triển năng lực văn học: biết thể hiện cảm xúc khi đọc, nói, viết về phẩm chất chăm chỉ.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ – tự học, giải quyết vấn đề – sáng tạo: viết được đoạn văn văn ( đoạn thơ) rõ ràng mạch lạc;

- Năng lực giao tiếp – hợp tác: giới thiệu được bản thân với các bạn trong nhóm, lớp.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè, biết chăm sóc và bảo vệ động vật.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

**- GV chuẩn bị**: chậu hoa viền giấy màu, cây hoa (có gốc, cành, lá); giấy màu (nhiều màu), băng dính 2 mặt.

**- HS chuẩn bị**: kéo, bút, giấy ô li.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động.(3-5’)**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học ở bài đọc trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong tiết góc sáng tạo hôm nay, chúng ta sẽ tham gia trò chơi đố vui: *“Ai chăm, ai ngoan?”* để rèn luyện các kĩ năng viết, nói về chủ điểm *Chăm học, chăm làm*. Chúc các em có một tiết học vui, bổ ích và sáng tạo. | |  |
| **2. Hoạt động thực hành(20-25’)**  - Mục tiêu: + Trưng bày và giới thiệu được một đoạn văn (hoặc một đoạn thơ) về một người bạn chăm học, chăm làm trong lớp hoặc một con vật chăm chỉ (giấu tên)  + Thuyết trình, tổ chức các hoạt động phối hợp  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 1: Chuẩn bị câu đố (BT1)**  - GV yêu cầu HS đọc và nắm vững yêu cầu bài tập 1.  - GV cho HS thực hiện nhóm đôi và thực hiện yêu cầu vào giấy ôly bằng ¼ tờ A4.  - GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả.  - GV nhận xét chung kết quả các nhóm và tuyên dương nhóm hoàn thành tốt bài tập.  **Hoạt động 2: Gắn câu đố lên cây hoa (BT2)**  - GV chuẩn bị cây hoa (có gốc, cành, lá), một chậu hoa viền giấy màu có dòng chữ “Ai chăm, ai ngoan?”; băng dính 2 mặt, giấy màu (nhiều màu)  - GV nhận xét và tuyên dương.  **Hoạt động 3: Hái hoa và giải câu đố**  - GV gọi 1 HS làm quản trò- tổ chức trò chơi “Hái hoa và giải câu đố”  - GV nhận xét, tuyên dương HS có câu trả lời đúng.  **3. Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương những cá nhân HS và nhóm tích cực trong việc chuẩn bị cây hoa, có câu đố hay, giải nhiều câu đố đúng. | | 1-2 HS đọc yêu cầu BT1.  - HS thực hiện nhóm đôi.  - 3-4 nhóm trình bày kết quả.  - HS lắng nghe và nhận xét  - HS thực hiện làm các bông hoa  - Đại diện các tổ gắn câu đố lên cây.  - HS cả lớp theo dõi và cổ vũ nhóm HS trang trí cây hoa “Ai chăm, ai ngoan”  - Người quản trò có thể gọi theo tinh thần xung phong hoặc gọi trực tiếp HS bất kì trong lớp khởi động cho trò chơi (người chơi đầu tiên)  (Người giải đúng có quyền chỉ định người chơi tiếp sau mình) |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

Tiết 4: Hoạt động trải nghiệm

**SINH HOẠT LỚP: TỔNG KẾT DỰ ÁN HÀNH LANG XANH**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- HS trình bày được các công việc đã làm trong dự án Hành lang xanh.

- Tự đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện dự án Hành lang xanh của bản thân và nhóm.

- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.
* Tranh ảnh liên quan chủ đề môi trường.
* Các dụng cụ cần thiết vào hoạt động thực tế.

**2. Đối với học sinh**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động(3-5’)**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Xây dựng kĩ năng quan sát , thực hành để nhận ra khả năng của bản thân - Cách tiến hành: | |
| - GV mời học sinh báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch, phân công chăm sóc các chậu cây ở hành lang lớp học.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS báo cáo kết quả.  - HS lắng nghe. |
| **2. Sinh hoạt cuối tuần(10-15’)**  **-** Mục tiêu: Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.  **-** Cách tiến hành: | |
| **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ)**  **-** GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần:  + Sinh hoạt nền nếp.  + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức.  + Kết quả hoạt động các phong trào.  + Một số nội dung phát sinh trong tuần...  - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo.  - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)  **\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nền nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào.  - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý.  - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. | - Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần.  - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung.  - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.  - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay. |
| **3. Sinh hoạt chủ đề.(15-20’)**  **-** Mục tiêu:  + Học sinh giới thiệu được những việc làm đáng tự hào của mình.  + Học sinh cam kết trao đổi với người thân về những việc cần làm để phát huy nuhnưgx đặc điểm đáng tự hào của bản thân.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Tổng kết dự án Hành lang xanh**  ***1. Tổ chức thực hiện: Làm việc nhóm***  - GV tổ chức cho HS tham quan các sản phẩm đã làm trong dự án.  - GV hướng dẫn HS chia sẻ theo nhóm các nội dung sau:  + Cảm nhận của em sau khi tham quan các sản phẩm đã làm trong dự án.  + Những công việc em đã làm trong dự án.  + Cảm xác của em sau khi thực hiện dự án.  - GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ các nội dung trên.  - GV mời các nhóm khác nhận xét, bày tỏ cảm nhận về dự án.  - GV tổng kết dự án và khen ngợi sự tích cực tham gia dự án của HS cả lớp. | - HS tham quan các sản phẩm đã làm trong dự án.  - Các nhóm thảo luận, chia sẻ cảm nhận với nhau.  - Các nhóm chia sẻ cảm nhận trước lớp.  - Các nhóm khác nhận xét, bày tỏ cảm nhận dự án.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả đã đạt được sau khi tham gia các hoạt động của chủ đề Trường em xanh, sạch, đẹp vào Phiếu tự đánh giá sau chủ đề.    - GV hướng dẫn HS về nhà cùng với người thân:  + Chia sẻ những thành quả đã cùng bạn thực hiện được.  + Chia sẻ mhững sáng kiến của bản thân trước lớp về dự án Hành lang xanh cũng như các hoạt động khác của chủ đề Trường em xanh, sạch, đẹp.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS thực hiện tự đánh giá kết quả đã đạt được sau khi tham gia các hoạt động của chủ đề Trường em xanh, sạch, đẹp vào Phiếu tự đánh giá sau chủ đề.  - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng với các thành viên trong gia đình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**Buổi chiều**

Tiết 1: Toán

**VIẾT SỐ TỰ NHIÊN TRONG HỆ THẬP PHÂN**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Ôn tập củng cố, khái quát hóa một số kiến thức về hệ thập phân và viết số tự nhiên trong hệ thập phân.

- So sánh các số tự nhiên.

- Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tiếp thu kiến thức bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

- **GV**: Tranh khởi động; SGK Toán 1; Tivi LCD.

- **HS**: SGK, VBT Toán tập 1, bộ đồ dùng học Toán 4.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu(3-5’)**  *\* Mục tiêu:*  - Cho học sinh ổn định tổ chức đầu giờ, tạo tâm thế vui tươi, phấn khởi khám phá và kết nối với bài học viết số tự nhiên trong hệ thập phân.  - Qua hoạt động này HS phát triển được các NL: Đó là NL giao tiếp toán học.  *\* Cách thực hiện*: | |
| - ***Ổn định tổ chức***: cho HS nhảy “vũ điệu rửa tay”.  - ***Khởi động***: Trò chơi “*Ong non học việc*”.  Câu 1: Viết số thích hợp vào chỗ trống:  123; 124; ….. ; ….. ; ….. ;   1. 125; 126; 127 2. 126; 127; 128 3. 125; 127; 129   Câu 2: Có số tự nhiên lớn nhất không?   1. Không 2. Có 3. Không có đán án đúng   Câu 3: Số tự nhiên liền sau số 32 323 là:   1. 32 322 2. 32 323 3. 32 324   Câu 4: Dãy số nào dưới đây là dãy số tự nhiên?   1. 0,1,2,4,3,5,.... 2. 0,1,2,3,4,5,… 3. 0,1,3,4,5,6,..   - Cho HS quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi.    + Tranh vẽ gì?  - ***Kết nối***: Hệ thập phân là gì? Vậy để biết hệ thập phân hay còn gọi là hệ đếm cơ số 10, dây là hệ đếm rộng rãi và phổ biến nhất trong toán học và trong đời sống hằng ngày, ý nghĩa, hệ thập phân sẽ sử dụng 10 số {0;1;2;3;4;5;6;7;8;9} để biễu diễn. Mọi phần tử của một số số trong hệ thập phân đều nằm trong danh sách 10 con số nhỏ này. Vậy ta học qua  bài hôm nay nhé.  - ***Ghi bảng***: *Viết số tự nhiên trong hệ thập phân* | - Trưởng ban Văn nghệ điều khiển các bạn tham gia nhảy vũ diệu rửa tay.  - HS chơi trò chơi.  - Đáp án đúng: A. 125; 126; 127  - Đáp án đúng: A. Không  - Đáp án đúng: C. 32 324  - Đáp án đúng: B. 0,1,2,3,4,5,…  - HS quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi.  + Tranh vẽ một người đang ngồi đọc sách và nói “Hệ đếm thập phân gắn với một “máy tính” tự nhiên mà con người có sẵn (10 ngón tay)”.  - HS lắng nghe.  - Nhắc nối tiếp và ghi đầu bài vào vở. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức(15-20’)**  *\* Mục tiêu:*  - Ôn tập củng cố, khái quát hóa một số kiến thức về hệ thập phân và viết số tự nhiên trong hệ thập phân.  - Qua hoạt động này HS phát triển được các NL toán học sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học. NL giao tiếp toán học. NL giải quyết vấn đề và sáng tạo  *\* Cách tiến hành*: | |
| - GV yêu cầu HS đọc và thảo luận các thông tin có trong khung kiến thức và trả lời các câu hỏi sau:  ***1. Hệ thập phân***  - Thế nào là hệ thập phân? Hãy nêu ví dụ về hệ thập phân.  ***2. Viết số tự nhiên trong hệ thập phân***  - Hãy nêu cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân? Lấy ví dụ về viết số tự nhiên trong hệ thập phân.  ***3. So sánh các số tự nhiên***  - So sánh hai số tự nhiên là gì?  - Cách so sánh hai số tự nhiên?  ***\* GV kết luận***:  1. Trong hệ thập phân, cứ mười đơn vị ở một hàng hợp lại thành một đơn vị ở hàng trên tiếp liền nó.  2. Với mười chữ số: 0 , 1 , 2 , 3 , 4 , 5 , 6 , 7 , 8 , 9 có thể viết được mọi số tự nhiên.  Ở mỗi hàng chỉ có thể viết được một chữ số. Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó.  3. Dựa vào vị trí của các số trong dãy số tự nhiên, số nào được đếm trước thì bé hơn; Dựa vào quy tắc so sánh các số có nhiều chữ số.  **\* GV chốt chuyển** | - HS đọc và thảo luận các thông tin có trong khung kiến thức và trả lời các câu hỏi:  - Trong hệ thập phân, cứ mười đơn vị ở một hàng hợp lại thành một đơn vị ở hàng trên tiếp liền nó.  **Ví dụ**: 10 đơn vị = 1 chục  10 chục = 1 trăm  10 trăm = 1 nghìn ....  - Với mười chữ số: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 có thể viết được mọi số tự nhiên  + Ở mỗi hàng chỉ có thể viết được một chữ số. Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó. Chẳng hạn, số 888 có ba chữ số 8, kể từ phải sáng trái mỗi chữ số 8 lần lượt nhận giá trị là 8 ; 80 ; 800.  + Viết số tự nhiên với các đặc điểm trên được gọi là viết số tự nhiên trong hệ thập phân.  **Ví dụ**:  + Chín trăm chín mươi chín viết là: 999.  + Hai nghìn một trăm mười lăm viết là: 2115  + Tám trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm mười một viết là: 812327411  \* Giá trị của chữ số trong một số  - Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó.  Trong số 999 có ba chữ số 9. Từ trái qua  phải mỗi chữ số 9 lần lượt nhận giá trị  là: 900;90;9  - So sánh hai số tự nhiên là việc xác định xem số nào lớn hơn, số nào bé hơn hoặc bằng nhau.  - Để so sánh hai số tự nhiên ta có thể thực hiện theo một trong hai cách sau:  (1) Dựa vào vị trí của các số trong dãy số tự nhiên, số nào được đếm trước thì bé hơn  (2) Dựa vào quy tắc so sánh các số có nhiều chữ số,  - HS nghe và nhắc lại. |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành.(10-15’)**  *\* Mục tiêu:*  - Vận dụng được các kiến thức về hệ thập phân và viết số tự nhiên, So sánh các số tự nhiên trong hệ thập phân vào thực hành các bài tập.  - Qua hoạt động này HS có thể hình thành và phát triển một số NL sau: Năng lực mô hình hóa toán học. Giao tiếp và hợp tác. Giải quyết vấn đề và sáng tạo.  *\* Cách tiến hành* | |
| **Bài 1: cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài.  - Bài tập yêu cầu làm gì?  ***\* GV hướng dẫn***:  a) Khi đọc số có nhiều chữ số, ta tách số thành từng lớp, từ lớp đơn vị đến lớp nghìn rồi lớp triệu. Sau đó dựa vào cách đọc số có tới ba chữ số thuộc từng lớp  để đọc và đọc từ trái sang phải.  b) Viết số lần lượt theo thứ tự từ trái sang phải là các hàng chục triệu, hàng triệu, hàng trăm nghìn, hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị..  - Yêu cầu HS thảo luận cách đọc và cách viết các số đã cho.  - Gọi đại diện một số HS nêu cách đọc  và viết của mình với các số đã cho.  - GV gọi HS nhận xét, chữa bài.  - GV nhận xét, thuyên dương HS.  **\* Chốt chuyển**  **Bài 2: nhóm đôi**  - Đọc yêu cầu bài tập.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Bài cho biết gì?  ***\* GV hướng dẫn:***  - Thế nào là dạng khai triển thập phân của một số?  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và làm vở bài tập.  - Yêu cầu, Đại diện các nhóm trình bày  kết quả bài làm của mình.  *\* Xác định giá trị của mỗi chữ số rồi viết số đã cho thành tổng.* | - HS đọc yêu cầu đề bài.  - Bài tập yêu cầu làm: *Đọc các số*; *Viết các số*  - Lắng nghe.  - HS làm vào vở bài tập phần b, và đọc phần a trực tiếp tại chỗ cùng bạn thảo luận cách đọc và viết các số đã cho.  - Đại diện lớp một số HS làm theo yêu  cầu của GV.  *Lời giải*  a)  - 651 đọc là: Sáu trăm năm mươi mốt  - 5 064 đọc là: Năm nghìn không trăm sáu mươi tư  - 800 310 đọc là: Tám trăm nghìn ba trăm mười  - 9 106 783: Chín triệu một trăm linh sáu nghìn bảy trăm tám mươi ba  - 573 811 000: Năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm mười một nghìn  b) Viết các số sau:  - Hai mươi tư nghìn năm trăm mười sáu: 24 516  - Ba trăm linh bảy nghìn bốn trăm hai mươi mốt: 307 421  - Một triệu hai trăm năm mươi nghìn không trăm mười bảy: 1 250 017  - Mười lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn sáu trăm linh tám: 15 040 608  - HS nhận xét, chữa bài.  **Bài 2: nhóm đôi**  - Đọc yêu cầu bài.  - Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu):  - Cho biết mẫu như sau:    - Dạng khai triển thập phân của một số đó là tách riêng các hàng trong cùng  con số đó và các giá trị giảm dần đến  hàng nhỏ nhất là hàng đơn vị.  - Học sinh thảo luận nhóm đôi và làm vở bài tập.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả. |
| **Lời giải**  ***265 175; 1 050 694; 321 126; 57 605***  **1.** 265 175 = 200 000 + 60 000 + 5 000 + 100 + 70 + 5  **2.** 1 050 694 = 1 000 000 + 50 000 + 600 + 90 + 4  **3.** 321 126 = 300 000 + 20 000 + 1 000 + 100 + 20 + 6  **4**. 57 605 = 50 000 + 7 000 + 600 + 5 | |
| - GV yêu cầu HS nhận xét, chữa bài  - GV nhận xét, khen HS.  **\* Chốt chuyển**  **Bài 3: cá nhân**  - Đọc yêu cầu bài tập?  - Bài cho biết gì?  - GV yêu cầu HS nhắc lại: *Thêm 1 vào bất kì số nào cũng được số tự nhiên liền sau đó. Bớt bất kì số nào khác (Khác số 0) cũng được số tự nhiên liền trước đó*.  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở bài tập, sau đó đổi vở kiểm tra kết quả chéo nhau.  - Giáo viên gọi một số học sinh trình bày bài làm của mình.  ***\* Hướng dẫn:***  *- Muốn tìm số liền trước của một số ta lấy số đó trừ đi 1.*  *- Muốn tìm số liền sau của một số ta lấy số đó cộng thêm 1.*  - GV yêu cầu nhận xét bài bạn sau khi đổi chéo vở.  - GV nhận xét, chữa bài, khen HS.  **\* Chốt chuyển** | **-** HS nhận xét, chữa bài.  **Bài 3: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  **- Số?**    - 3 HS nhắc lại.  - HS làm bài vào vở bài tập, sau đó đổi vở kiểm tra kết quả chéo nhau.  - Trình bày bài làm của mình.  *Lời giải*    - Học sinh nhận xét bài bạn sau khi đổi chéo vở. |
| **4. Hoạt động vận dụng**  *\* Mục tiêu:*  - Đề xuất và vận dụng về các hiểu biết về viết số tự nhiên trong hệ thập phân và áp các tình huống thực tế cuộc sống.  *\* Cách tiến hành* | |
| **Bài 4: cá nhân**  - Đọc yêu cầu bài tập.  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - Bài cho biết gì?  ***\* Hướng dẫn***: So sánh các số rồi sắp xếp theo thứ tự từ gần nhất đến xa nhất.  - GV yêu cầu HS làm bài, sau đó đổi chéo vở kiểm tra kết quả.  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả làm bài của mình sau khi đổi chéo vở kiểm tra.  - Gọi HS nhận xét chữa bài.  - GV nhận xét, chữa bài, tuyên dương.  ***Liên hệ nhắc lại***:  1. Trong hệ thập phân cứ 10 đơn vị ở một hàng thì tạo thành mấy đơn vị ở hàng trên liền tiếp nó?  2. Hệ thập phân có bao nhiêu chữ số, đó là những chữ số nào?  3. Với mấy chữ số có thể viết được mọi số tự nhiên? Cho ví dụ.  ***\* Củng cố, dặn dò***  - Qua bài học hôm nay em biết thêm  điều gì?  - Để có thể làm tốt bài tập trên em nhắn nhủ gì tới các bạn trong lớp?  - Nhận xét tiết học.  - Chuẩn bị bài sau: *Yến, tạ, tấn*. | **Bài 4: cá nhân**  - Đọc yêu cầu bài tập.  - Đọc thông tin rồi sắp xếp theo thứ tự tăng dần.  - Khoảng cách từ Trái Đất, Sao Kim, Sao Thủy, Sao Hỏa đến Mặt Trời được biểu thị trong bảng bên. Hãy sắp xếp khoảng cách từ các hành tinh trên đến Mặt trời theo thứ tự từ gần nhất đến xa nhất.  - HS nghe.  - HS làm bài, sau đó đổi chéo vở kiểm tra kết quả.  - HS báo cáo kết quả làm bài của mình sau khi đổi chéo vở kiểm tra.  *Lời giải*  ***Ta có:***  57 910 000 < 108 000 000 < 149 600 000 < 227 700 000  Vậy khoảng cách từ các hành tinh đến Mặt trời theo thứ tự từ gần nhất đến xa nhất là:  Sao Thủy, Sao Kim, Trái đất, Sao Hỏa.  - HS nhận xét chữa bài của bạn.  - Nghe.  1. Đặc điểm của hệ thập phân. 10 đơn vị ở một hàng hợp thành một đơn vị ở hàng trên tiếp liền nó.  2. Trong hệ thập phân, 10 ký tự (còn gọi là con số) khác nhau được dùng để biểu đạt 10 giá trị riêng biệt (0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9), tức là 10 con số. Những con số này còn được dùng cùng với dấu thập phân - ví dụ dấu "*phẩy*" - để định vị phần thập phân sau hàng đơn vị.  3. Với 10 chữ số 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9 ta có thể viết được mọi số tự nhiên.  **Ví dụ**: Số chín trăm chín mươi chín viết  là: 999.  Hai nghìn một trăm mười lăm viết là: 2115.  - HS trả lời.  - HS trả lời. |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tiết 2: Toán tăng **(\*4C)**

**LUYỆN TẬP LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn, chục nghìn

- Vận dụng được cách làm tròn số và nêu được tình huống vận dụng trong một số trường hợp đơn giản

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**2. Phẩm chất:**

*-* Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Powerpoint.

- Phiếu học tập, đồng hồ

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Khởi động:(3-5’)**  - Cho lớp chơi trò chơi “ Tiếp sức” trong thời gian 1 phút hãy viết được nhiều nhất số có sáu chữ số  - GV cho 1 HS nêu cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn  =>GV chốt: Khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, ta so sánh chữ số hàng chục nghìn với 5. Nếu chữ số hàng chục nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống(lùi), còn lại thì làm tròn lên  ( tiến).  - GV nhận xét, giới thiệu bài  **2. Luyện tập:(20-25’)**  **Bài 1:**Thực hiện yêu cầu sau  - GV nêu nhiệm vụ: Hãy làm tròn các số vừa nêu đến hàng trăm nghìn.  - GV có thể cho HS lấy thêm VD tương tự (Tiếp tục thực hành làm tròn số đến hàng trăm nghìn)  *=>Chốt:* *Khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, ta so sánh chữ số hàng chục nghìn với 5. Nếu chữ số hàng chục nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống(lùi), còn lại thì làm tròn lên( tiến).*  **Bài 2: Số**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số | Làm tròn đến hàng | | | Chục nghìn | Trăm nghìn | | 513 999 |  |  | | 1 388 000 |  |  | | 25 666 666 |  |  |   - Y/c HS đọc và phân tích bài  - Lớp phó học tập điều hành các bạn trao đổi báo cáo.  - GV nhận xét chốt đáp án  **Bài 3: Tính và làm tròn kết quả đến hàng trăm nghìn**   |  |  | | --- | --- | | (28 370+ 9 090) x 3 | 76 380: 2 x 4 |   - Y/c HS đọc đề bài  - Có mấy yêu cầu?  - Y/c HS làm thảo luận theo nhóm đôi và làm bài vào vở  - Gọi 2 HS lên bảng chữa bài  - Cho HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - BT3 đã củng cố kiến thức gì?  *+GV củng cố cách tính giá trị biểu thức, cách làm tròn số cho HS.*  **3. Vận dụng:**  **Bài 4:** Mẹ muốn chọn một cuộn dây dài khoảng 100 000 cm. Theo em, mẹ nên chọn cuộn dây nào ? Biết Độ dài cuộn dây thứ nhất là  12 345cm. Độ dài cuộn dây thứ hai là 80 845 cm, độ dài cuộn dây thứ ba là 100 209 cm.  - Mời học sinh đọc độ dài có trong mỗi cuộn dây trong đề bài.  + Mẹ muốn chọn cuộn dây có độ dài khoảng bao nhiêu xăng-ti-mét?  + Vậy khi chọn, mẹ nên chọn cuộn dây nào ? Vì sao ?  - Nhận xét, tuyên dương.  -Qua bài học, em được củng cố thêm điều gì ?   * - Nhận xét, dặn dò: Em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến việc làm tròn số đến hàng chục nghìn, trăm nghìn. | -3 nhóm đại diện, 3HS lên bảng viết  - HS đọc số vừa viết.  - HS nêu.  - HS lắng nghe  - HS làm việc nhóm đôi.  - HS đại diện lên bảng + nhóm khác nhận xét bổ sung.  - HS lắng nghe  - HS đọc và phân tích yêu cầu  - HS làm bài cá nhân  - Lớp phó học tập điều khiển các ban trao đổi báo cáo kết quả   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số | Làm tròn đến hàng | | | Chục nghìn | Trăm nghìn | | 513 999 | 510 000 | 500 000 | | 1 388 000 | 1 390 000 | 1 400 000 | | 25666 666 | 25670 000 | 25700000 |   - HS đọc đề bài  - 2 yêu cầu: tính và làm tròn kết quả đến hàng trăm nghìn  - HS thảo luận thống nhất cách làm.  - Cách tính giá trị biểu thức và cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn  -  - Độ dài cuộn dây thứ nhất là 12345cm. Độ dài cuộn dây thứ hai là 80 845 cm, độ dài cuộn dây thứ ba là 100 209 cm  - 100 000 cm  - Cuộn dây 100 209cm.Vì cuộn dây 100 209 cm được làm tròn là 100 000 cm  - Rèn kĩ năng quy ước làm tròn các số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn.  - HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tiết 3: Tự chọn Toán

**LUYỆN TẬP VỀ SỐ TỰ NHIÊN VÀ DÃY SỐ TỰ NHIÊN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Làm được một số bài toán về lập số, điền tiếp số vào dãy số tự nhiên, tìm được số số hạng trong dãy số.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

**II. Đồ dùng dạy học và học liệu**

1. Giáo viên: Bảng phụ, phiếu bài tập.

2. Học sinh: Đồ dung học tập.

**III. Các hoạt động dạy – học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3-5’)**  - Dãy số tự nhiên là gì?  - Có tìm được số tự nào lớn nhất không?  Vì sao?    - Số tự nhiên nhỏ nhất là số nào?  - Trong dãy số tự nhiên, hai số liên tiếp thì hơn hoặc kém nhau bao nhiêu đơn vị?  **2. Luyện tập (20-25’)**  **Bài 1**: Viết vào chỗ chấm:  a) Dãy số tự nhiên :  … ;1 ; 2 ; 3 ; 4 ; … ;….  b) Dãy số chẵn :  … ; 6872 ; 6874 ; … ; … .  c) Dãy số lẻ :  … ; 986 715 ; 986 717 ; … ; … .  d) Dãy các số tròn chục :  720 ; … ; … ; 750 ; … .  - GV yêu cầu HS là bài vào vở.  - Chữa bài  *+ Củng cố cho HS cách tìm quy luật của dãy số và viết số.*  **Bài 2:** Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :  a) Trong dãy số tự nhiên, hai số liên tiếp thì hơn hoặc kém nhau 1 đơn vị □  b) Hai số tự nhiên hơn hoặc kém nhau 1 đơn vị □  c) Không có số tự nhiên bé nhất □  d) Không có số tự nhiên nào liền trước số 0 □  e) Không có số tự nhiên lớn nhất □  g) 0 là số tự nhiên bé nhất □  h) Trong dãy các số chẵn, hai số liên tiếp thì hơn hoặc kém nhau 2 đơn vị □  **Bài 3:** a) Khi viết các số tự nhiên từ 1 đến 100 phải viết tất cả bao nhiêu chữ số 1 ?  b) Khi viết các số tự nhiên từ 1 đến 199 phải viết tất cả bao nhiêu chữ số?  **3. Vận dụng:** ( 2- 3 phút )  - Nêu đặc điểm của dãy số tự nhiên?  - Nhận xét tiết học. | - Các số tự nhiên được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, bắt đầu từ số 0 được gọi là dãy số tự nhiên.  - Không có số tự nhiên lớn nhất vì khi thêm 1 vào bất kỳ số nào trong dãy số tự nhiên ta cũng được số liền sau của số đó.  - Là số 0  - Hai số tự nhiên liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.  - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS làm bài vào vở, 2 HS lên bảng viết.  - HS đọc các số vừa viết.  - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS thảo luận N2 làm bài vào PHT  - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS làm bài:  a) Viết các số từ 1 đến 9 phải viết: 1 chữ số 1.  Viết các số từ 10 đến 19 phải viết: 11 chữ số 1 (số 11 có 2 chữ số 1).  Viết các số từ 20 đến 99 phải viết: 8 chữ số 1.  Viết số 100 phải viết: 1 chữ số 1.  Vậy khi viết các số từ 1 đến 100 phải viết số chữ số 1 là:  1+11+8+1=21 (chữ số 1).  b) Viết các số từ 1 đến 9 phải viết: 9 chữ số.  Viết các số từ 10 đến 99 phải viết 90 số có hai chữ số; vậy phải viết:  2×90=1802×90=180 (chữ số).  Viết các số từ 100 đến 199 phải viết 100 số có ba chữ số ; vậy phải viết:  3×100=3003×100=300 (chữ số).  Do đó khí viết các số tự nhiên từ 1 đến 199 phải viết số chữ số là : 9 + 180 + 300 = 489 (chữ số).  - 2HS nêu lại. |

**IV. Điều chỉnh bài dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**Tổ/khối chuyên môn duyệt Người soạn bài**

**Trần Thị Lương Lê Thị Vân**

**Lãnh đạo duyệt**

*(Nhận xét và ký duyệt)*

**Nguyễn Thị Kim Huế**